

**HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
KHOA CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ VÀ NGOẠI GIAO**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỦ NHÂN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ**

Hà Nội, tháng 8 năm 2020

MỤC LỤC

| | |
|--|----------|
| I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH..... | 1 |
| 1. Ngành đào tạo | 1 |
| 2. Tên văn bằng | 1 |
| 3. Cơ sở cấp bằng | 1 |
| 4. Cơ sở tổ chức giảng dạy | 1 |
| 5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình..... | 1 |
| 5.1. Căn cứ pháp lý..... | 1 |
| 5.2. Căn cứ thực tiễn | 2 |
| 6. Tiêu chí tuyển sinh..... | 3 |
| 7. Thời gian đào tạo..... | 3 |
| 8. Điều kiện tốt nghiệp..... | 3 |
| 9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp..... | 4 |
| 10. Cơ hội học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn | 5 |
| II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ..... | 5 |
| 1. Mục tiêu | 5 |
| 1.1. Mục tiêu chung..... | 5 |
| 1.2. Mục tiêu cụ thể..... | 5 |
| 2. Chuẩn đầu ra | 6 |
| 2.1. Về kiến thức | 6 |
| 2.2. Về kỹ năng | 7 |
| 2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm | 7 |
| 3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập | 10 |
| 4. Phương pháp đánh giá | 12 |

| | |
|--|-----------|
| 4.1. Đánh giá học phần | 12 |
| 4.2. Đánh giá kết quả học tập | 13 |
| 4.3. Thang điểm | 13 |
| 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa | 13 |
| III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO | 14 |
| 1. Khối kiến thức giáo dục đại cương | 14 |
| 2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | 14 |
| 3. Kiến thức bổ trợ..... | 16 |
| 4. Kiến thức ngoại ngữ | 16 |
| 5. Học phần kỹ năng..... | 17 |
| 6. Kiến thức hướng nghiệp..... | 17 |
| 7. Kiến thức tốt nghiệp..... | 17 |
| 8. Ma trận sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được Chuẩn đầu ra | 18 |
| IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN | 21 |
| V. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN | 26 |
| 1. Triết học Mác - Lê nin..... | 26 |
| 2. Kinh tế chính trị Mác - Lê nin | 26 |
| 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học..... | 27 |
| 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh | 27 |
| 5. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam | 28 |
| 6. Tin học..... | 28 |
| 7. Giáo dục thể chất..... | 29 |
| 8. Giáo dục quốc phòng..... | 29 |
| 9. Lịch sử văn minh thế giới..... | 29 |
| 10. Xã hội học đại cương | 30 |
| 11. Chính trị học đại cương..... | 31 |

| | |
|---|-----------|
| 12. Lịch sử ngoại giao Việt Nam | 31 |
| 13. Lịch sử các học thuyết chính trị..... | 31 |
| 14. Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế..... | 32 |
| 15. Lịch sử quan hệ quốc tế cận hiện đại (1500-1945) | 32 |
| 16. Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945-nay)..... | 33 |
| 17. Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1945-1975 | 34 |
| 18. Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay | 34 |
| 19. Lý luận quan hệ quốc tế | 35 |
| 20. Chính sách của Việt Nam với một số đối tác chính sau Chiến tranh lạnh..... | 35 |
| 21. Các vấn đề toàn cầu..... | 36 |
| 22. Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh..... | 36 |
| 23. Chính trị quốc tế hiện đại..... | 37 |
| 24. Ngoại giao đa phương..... | 38 |
| 25. Lý thuyết an ninh quốc tế..... | 39 |
| 26. Xung đột quốc tế sau Chiến tranh lạnh..... | 40 |
| 27. An ninh Châu Á - Thái Bình Dương..... | 40 |
| 28. Cơ chế hợp tác an ninh đương đại..... | 41 |
| 29. Phân tích chính sách an ninh | 42 |
| 30. Nghiên cứu Trung Quốc | 43 |
| 31. Nghiên cứu Hoa Kỳ | 43 |
| 32. Nghiên cứu ASEAN | 44 |
| 33. Nghiên cứu EU..... | 45 |
| 34. Nghiên cứu Nga..... | 45 |
| 35. Ngoại ngữ cơ sở I | 46 |
| 35.1. Tiếng Anh | 46 |
| 35.2. Tiếng Pháp | 47 |

| | |
|--|-----------|
| 35.3. Tiếng Trung..... | 48 |
| 36. Ngoại ngữ cơ sở II..... | 48 |
| 36.1. Tiếng Anh | 48 |
| 36.2. Tiếng Pháp | 49 |
| 36.3. Tiếng Trung..... | 49 |
| 37. Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao I..... | 50 |
| 37.1. Tiếng Anh | 50 |
| 37.2. Tiếng Pháp | 51 |
| 37.3. Tiếng Trung..... | 51 |
| 38. Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao II..... | 52 |
| 38.1. Tiếng Anh | 52 |
| 38.2. Tiếng Pháp | 53 |
| 38.3. Tiếng Trung..... | 53 |
| 39. Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao III | 54 |
| 39.1. Tiếng Anh | 54 |
| 39.2. Tiếng Pháp | 54 |
| 39.3. Tiếng Trung..... | 55 |
| 40. Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao IV..... | 56 |
| 40.1. Tiếng Anh | 56 |
| 40.2. Tiếng Pháp | 56 |
| 40.3. Tiếng Trung..... | 57 |
| 41. Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao V | 58 |
| 41.1 Tiếng Anh | 58 |
| 41.2. Tiếng Pháp | 59 |
| 41.3. Tiếng Trung..... | 60 |
| 42. Kỹ thuật soạn thảo văn bản | 60 |
| 43. Công tác ngoại giao..... | 61 |

| | |
|--|-----------|
| 44. Đàm phán quốc tế..... | 61 |
| 45. Phân tích sự kiện quốc tế..... | 62 |
| 46. Quan hệ kinh tế quốc tế..... | 63 |
| 47. Công pháp quốc tế..... | 64 |
| 48. Truyền thông quốc tế..... | 64 |
| 49. Ngoại giao văn hóa..... | 65 |
| 50. Kinh tế đối ngoại Việt Nam..... | 66 |
| 51. Luật hiến pháp Việt Nam và các nước | 66 |

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CỬ NHÂN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngành đào tạo: Quan hệ quốc tế

Mã ngành: 7310206

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

2. Tên văn bằng: Bằng Cử nhân ngành Quan hệ quốc tế

3. Cơ sở cấp bằng: Học viện Ngoại giao

4. Cơ sở tổ chức giảng dạy:

Khoa Chính trị Quốc tế & Ngoại giao, Học viện Ngoại giao

5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình

5.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khái lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

- Thông tư số 24/2007/TT-BGDĐT ngày 10/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định số 07/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao.

5.2. Căn cứ thực tiễn

- Quyết định số 733/QĐ-HVNG ngày 19/8/2019 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Chiến lược phát triển Học viện Ngoại giao giai đoạn 2019-2029.

- Quyết định số 1269/QĐ-HVNG ngày 27/12/2018 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn và Văn hóa của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 538/QĐ-HVNG ngày 12/9/2014 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.

- Chương trình đào tạo cử nhân đại học ngành Quan hệ Quốc tế của Đại học Victoria (New Zealand), Đại học Laval (Canada), và các trường đại học tại Hoa Kỳ để tham chiếu.

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quan hệ quốc tế của Khoa Quốc tế học (Đại học KHXH & NV Hà Nội), Khoa Quan hệ Quốc tế (Đại học KHXH &

NV Hồ Chí Minh), Khoa Quan hệ Quốc tế (Học viện Báo chí và Tuyên truyền) để tham chiếu.

- Nhu cầu nguồn nhân lực làm việc tại Bộ Ngoại giao và các cơ quan Bộ, ngành, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

- Kết quả khảo sát các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, các doanh nghiệp, các cựu sinh viên Học viện Ngoại giao và sinh viên hiện tại của Học viện Ngoại giao (sinh viên năm thứ 3 năm học 2019-2020 của Học viện Ngoại giao).

- Kết quả phỏng vấn lấy ý kiến giảng viên.

6. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Học viện Ngoại giao.

7. Thời gian đào tạo

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 04 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 08 học kỳ.

8. Điều kiện tốt nghiệp

Cuối mỗi khóa học, sinh viên có đủ tất cả các điều kiện sau đây sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp:

| STT | Điều kiện | Tiêu chí thực hiện |
|-----|-------------------|--|
| 1 | Phẩm chất đạo đức | Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên. |
| 2 | Kết quả học tập | <ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ số học phần quy định của ngành đào tạo.- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học phải đạt từ 2.00 trở lên. |

| | | |
|---|--|--|
| 3 | Ngoại ngữ | Có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế theo quy định của Học viện. |
| 4 | Tin học | Theo quy định của Học viện. |
| 5 | Giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất | <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh. - Hoàn thành học phần Giáo dục thể chất theo quy định của Học viện. |
| 6 | Học phí | Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Học viện. |
| 7 | Thư viện | Hoàn trả sách, tài liệu... theo quy định của Học viện. |
| 8 | Trách nhiệm cộng đồng | Đạt đủ Điểm hoạt động cộng đồng theo quy định của Học viện. |

9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Nhóm 1: Làm việc tại các cơ quan, đơn vị đối ngoại của Đảng và Nhà nước, bao gồm các bộ, ngành và địa phương.
- Nhóm 2: Làm việc ở các tổ chức quốc tế liên chính phủ, các tổ chức quốc tế phi chính phủ, đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam.
- Nhóm 3: Làm việc tại các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt các công ty có quan hệ thương mại, dịch vụ quốc tế.
- Nhóm 4: Làm các công việc giảng dạy và nghiên cứu cho các trường đại học, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước.
- Nhóm 5: Làm việc cho các cơ quan thông tin đại chúng như đài truyền hình, đài phát thanh, các tòa soạn báo, tạp chí phụ trách các vấn đề liên quan tới đối ngoại (cộng tác viên, phóng viên, biên tập viên).

10. Cơ hội học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn

- Trên nền tảng kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ tốt, sinh viên tốt nghiệp ngành QHQT có khả năng học tiếp tục ngay lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ (đối với những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi) thuộc chuyên ngành Quan hệ quốc tế tại các trường Đại học, Học viện, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, và các chuyên ngành gần như Chính sách công, Chính trị so sánh.

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quan hệ quốc tế có nhiều cơ hội đạt được các học bổng danh giá như Fulbright, Chevening, AusAid... để tham gia các khóa đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tại các trường uy tín ở nước ngoài.

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình cử nhân Quan hệ quốc tế (QHQT) nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế toàn diện của đất nước; đào tạo cử nhân QHQT có kiến thức chuyên sâu về quan hệ quốc tế, có kỹ năng chuyên sâu và cập nhật để làm việc độc lập và hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng kiến thức QHQT, có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ và tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Chương trình đào tạo cử nhân QHQT nhằm trang bị cho người học vừa có kiến thức lý thuyết và thực tiễn chuyên sâu về QHQT và chính sách đối ngoại lại vừa có kiến thức đại cương về các ngành khoa học xã hội và nhân văn; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng, đồng thời được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ năng đối ngoại.

- Người học có các kỹ năng phân tích, lập luận và giải quyết vấn đề

chuyên sâu trong quan hệ quốc tế và hoạt động đối ngoại; có đủ năng lực nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc nhóm; có năng lực phát triển, dẫn dắt chuyên môn và tự bổ sung kiến thức, tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng các yêu cầu công việc trong các môi trường khác nhau; có kỹ năng tin học cơ bản và kỹ năng ngoại ngữ ở mức đọc và xử lý được các văn kiện và tài liệu chuyên môn về quan hệ quốc tế; có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp đối ngoại; có kỹ năng viết báo cáo, bài trình bày các nội dung liên quan đến công tác đối ngoại.

- Cử nhân ngành QHQT có lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức làm việc chuyên nghiệp, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và kiên định để đáp ứng được yêu cầu của xã hội và ngành Ngoại giao trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

- **Nhóm kiến thức chung:** Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học, Kinh tế chính trị Mác - Lê nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng vào phân tích và giải quyết các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại trong thực tiễn. Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.

- **Nhóm kiến thức về khối ngành và ngành:** Hiểu và vận dụng các nguyên lý, quy luật của lịch sử và xã hội trong phân tích các sự kiện và diễn tiến của QHQT. Phân tích được tác động của bối cảnh chính trị, xã hội, tiến trình phát triển của quan hệ quốc tế, lịch sử các học thuyết chính trị và lịch sử phát triển của chính sách đối ngoại Việt Nam đến hành vi của các chủ thể trong quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Hiểu và vận dụng được các lý thuyết quan hệ quốc tế, phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, phân tích chính sách để áp dụng vào việc phân tích, đánh giá các vấn đề quốc tế và chính

sách đối ngoại trên thực tiễn. Vận dụng các kiến thức kinh tế quốc tế, luật quốc tế, truyền thông quốc tế vào giải thích và phân tích các vấn đề cơ bản của quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại.

- **Nhóm kiến thức chuyên ngành QHQT:** Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu về các vấn đề toàn cầu, chính trị quốc tế, an ninh quốc tế, khu vực học và chính sách đối ngoại vào việc phân tích, đánh giá thực tiễn quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Việt Nam.

2.2. Về kỹ năng

- **Kỹ năng thực hành nghề nghiệp:** Có kỹ năng phân tích, lập luận và giải quyết vấn đề chuyên sâu trong quan hệ quốc tế và hoạt động đối ngoại; có đủ năng lực nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc nhóm. Thực hành hiệu quả các kỹ năng cơ bản của công tác đối ngoại như lễ tân, tổ chức sự kiện đối ngoại, tổ chức đón đoàn đối ngoại, giao tiếp đối ngoại, viết báo cáo, đàm phán.

- **Kỹ năng cá nhân:** Có năng lực dấn dặt chuyên môn và tự bổ sung kiến thức, tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng các yêu cầu công việc trong các môi trường khác nhau; có kỹ năng soạn thảo văn bản, giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng tư duy giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn. Có ngoại ngữ đạt chuẩn theo khung năng lực quốc gia về ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc. Đạt chuẩn tin học cơ bản, có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và xử lý các văn bản, thông tin phục vụ cho các công việc chuyên môn.

2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và kiên định để đáp ứng được yêu cầu của xã hội và ngành Ngoại giao trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Cử nhân ngành QHQT có lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức làm việc chuyên nghiệp, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có tinh thần hợp tác.

| STT | MÃ | Chuẩn đầu ra | Mức độ |
|-----------------------|-----|---|--------|
| 2.1. KIẾN THỨC | | | |
| 1 | KT1 | Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học, Kinh tế chính trị Mác - Lê nin, CNXH khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng vào phân tích và giải quyết các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại trong thực tiễn. | 3/6 |
| 2 | KT2 | Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất. | 3/6 |
| 3 | KT3 | Hiểu và vận dụng các nguyên lý, quy luật của lịch sử và xã hội trong phân tích các sự kiện và diễn biến của QHQT. | 3/6 |
| 4 | KT4 | Phân tích được tác động của bối cảnh chính trị, xã hội, tiến trình phát triển của quan hệ quốc tế, lịch sử các học thuyết chính trị và lịch sử phát triển của chính sách đối ngoại Việt Nam đến hành vi của các chủ thể trong quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. | 4/6 |
| 5 | KT5 | Hiểu và vận dụng được các lý thuyết quan hệ quốc tế, phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, phân tích chính sách để áp dụng vào việc phân tích, đánh giá các vấn đề quốc tế và chính sách đối ngoại trên thực tiễn. | 4/6 |
| 6 | KT6 | Vận dụng các kiến thức kinh tế quốc tế, luật quốc tế, truyền thông quốc tế vào giải thích và phân tích các vấn đề cơ bản của quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại. | 3/6 |

| | | | |
|---|-----|--|-----|
| 7 | KT7 | Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu về các vấn đề toàn cầu, chính trị quốc tế, an ninh quốc tế, khu vực học và chính sách đối ngoại vào việc phân tích, đánh giá thực tiễn quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Việt Nam. | 4/6 |
|---|-----|--|-----|

2.2. KỸ NĂNG

| | | | |
|--|-------|---|-----|
| 8 | KN1 | Có kỹ năng phân tích, lập luận và giải quyết vấn đề chuyên sâu trong quan hệ quốc tế và hoạt động đối ngoại; có đủ năng lực nghiên cứu, làm việc độc lập và làm việc nhóm. | 4/5 |
| 9 | KN2 | Thực hành hiệu quả các kỹ năng cơ bản của công tác đối ngoại như lễ tân, tổ chức sự kiện đối ngoại, tổ chức đón đoàn đối ngoại, giao tiếp đối ngoại, viết báo cáo, đàm phán... | 4/5 |
| 10 | KN3 | Có năng lực dẫn dắt chuyên môn và tự bổ sung kiến thức, tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng các yêu cầu công việc trong các môi trường khác nhau; có kỹ năng soạn thảo văn bản, giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng tư duy giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn . | 4/5 |
| 11 | KN4 | Có ngoại ngữ đạt chuẩn theo khung năng lực quốc gia về ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc. | 3/5 |
| 12 | KN5 | Đạt chuẩn tin học cơ bản, có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và xử lý các văn bản, thông tin phục vụ cho các công việc chuyên môn. | 2/5 |
| 2.3. MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM | | | |
| 13 | NLTC1 | Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các | 4/5 |

| | | | |
|----|-------|--|-----|
| | | môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và kiên định để đáp ứng được yêu cầu của xã hội và ngành Ngoại giao trong bối cảnh hội nhập quốc tế. | |
| 14 | NLTC2 | Có lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức làm việc chuyên nghiệp, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có tinh thần hợp tác. | 4/5 |

*Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6),
Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)*

3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

| Phương pháp, hình thức tổ chức | Mục đích | Tỷ lệ (%) |
|--|--|-----------|
| Giảng dạy | | |
| Thuyết giảng | Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của các học phần một cách khoa học, logic. | 40% |
| Thảo luận trên lớp, thảo luận nhóm, thuyết trình | Thông qua việc trao đổi, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên, giữa các sinh viên để làm rõ nội dung kiến thức trong học phần. Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng học phần. | 20% |
| Nghiên cứu tình huống | Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề | 20% |

| | | |
|--|--|-----|
| | thực tế trong một tình huống cụ thể. | |
| Nghiên cứu khoa học | Giúp sinh viên phát huy tính năng động, sáng tạo, năng lực tự học, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn. | 20% |
| Học tập | | |
| Học trên lớp | Giúp sinh viên tiếp thu kiến thức và trực tiếp trao đổi, thảo luận với giảng viên/nhóm. | 15% |
| Học ở nhà (Tự học / nghiên cứu trước tài liệu ở nhà) | Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu. | 15% |
| Học theo hình thức blended learning | Giúp sinh viên tiếp cận và ứng dụng công nghệ trong học tập. Cung cấp cho sinh viên các hoạt động học tập đa dạng, tích hợp nhiều công cụ đánh giá sinh viên trên nền tảng công nghệ. | 15% |
| Học cá nhân (Tự học/nghiên cứu trước tài liệu ở nhà, làm bài tập cá nhân | Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực học tập suốt đời. | 15% |
| Học nhóm (Thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm) | Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào vấn đề thực tế. | 15% |
| Học lý thuyết | Cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức cơ bản, hiểu được cái khái niệm từ đó nắm được bản chất sự vật/hiện tượng để vận dụng trong giải quyết các vấn đề thực tế. | 15% |

| | | |
|---|--|----|
| Học theo dự án | Giúp sinh viên có cơ hội vận dụng lý thuyết với thực tế, rèn luyện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tiễn; phát triển năng lực sáng tạo, phối hợp làm việc, tự đánh giá. | 5% |
| Kiến tập, đi thực tập, thực tế, thực hành | Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào công việc cụ thể, tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị. Qua đó sinh viên có thể so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn. | 5% |

4. Phương pháp đánh giá

4.1. Đánh giá học phần

Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm:

- Điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên: có trọng số không lớn hơn 20% tổng điểm học phần.

- Điểm kiểm tra - đánh giá định kỳ: có trọng số không ít hơn 20% tổng điểm học phần.

- Điểm thi kết thúc học phần: có trọng số không ít hơn 60% tổng điểm của học phần. Bài thi kết thúc học phần có thể được thực hiện bằng các hình thức: viết (tự luận hoặc trắc nghiệm), vấn đáp, tiểu luận, hoặc kết hợp các hình thức đó.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận do giảng viên phụ trách học phần xác định, được Trưởng Khoa phê duyệt và quy định trong đề cương học phần.

Điểm học phần là điểm trung bình tính theo hệ số của các điểm đánh giá bộ phận, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

4.2. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, năm học, khóa học qua các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập: là tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ.
- Khối lượng kiến thức tích lũy: là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.
- Điểm trung bình chung học kỳ: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các học phần được đánh giá loại đạt và không đạt).
- Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

4.3. Thang điểm

Sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10 (0-10), sau đó chuyển thành điểm chữ (A, B, C, D, F) và điểm số thang 4 (0-4) theo quy định đào tạo do Học viện xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 120 tín chỉ (không bao gồm số tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo: 120 tín chỉ

| Số thứ tự | Nội dung | Số tín chỉ (TC) |
|-----------|--|-----------------|
| 1 | Khối kiến thức giáo dục đại cương | 13 |
| 2 | Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | 45 |
| | - Kiến thức cơ sở khối ngành | 4 |
| | - Kiến thức cơ sở ngành | 20 |
| | - Kiến thức chuyên ngành | 21 |

| | | |
|---|-------------------------------|-----------|
| 3 | Kiến thức bổ trợ | 12 |
| 4 | Kiến thức ngoại ngữ | 24 |
| 5 | Học phần kỹ năng | 11 |
| 6 | Kiến thức hướng nghiệp | 5 |
| 7 | Kiến thức tốt nghiệp | 10 |

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối kiến thức giáo dục đại cương 13 tín chỉ*

| Số thứ tự | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----------|--------------------------------|-------------|------------|--------------------|
| 1 | Triết học Mác - Lê nin | FC.001.03 | 03 | Tiếng Việt |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác - Lê nin | FC.002.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | FC.003.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | FC.004.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 5 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | FC.005.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 6 | Tin học | IT.001.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 7 | Giáo dục thể chất | AAD.001.03 | 03 | Tiếng Việt |
| 8 | Giáo dục quốc phòng | AAD.002.08 | 08 | Tiếng Việt |

(* không bao gồm số TC học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 45 tín chỉ

| Số thứ tự | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ giảng dạy |
|---|----------------------------------|-------------|------------|--------------------|
| Kiến thức cơ sở khối ngành (04 TC) | | | | |
| 1 | Lịch sử văn minh thế giới | FC.007.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 2 | Xã hội học đại cương | FC.009.02 | 2 | Tiếng Việt |
| Kiến thức cơ sở ngành (20 TC) | | | | |
| 1 | Chính trị học đại cương | FC.010.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 2 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam | IR.001.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 3 | Lịch sử các học thuyết chính trị | IR.002.02 | 2 | Tiếng Việt |

| | | | | |
|---|--|-----------|---|--------------------------|
| 4 | Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế | IR.003.03 | 3 | Tiếng Việt |
| 5 | Lịch sử quan hệ quốc tế cận hiện đại | IR.004.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 6 | Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại | IR.005.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 7 | Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1945 đến 1975 | IR.006.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 8 | Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay | IR.007.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 9 | Lý luận Quan hệ quốc tế | IR.008.03 | 3 | Tiếng Việt/ Tiếng Anh |

| Kiến thức chuyên ngành | | 21 TC | | |
|--|---|----------------|---|--------------------------|
| Bắt buộc | | (11 TC) | | |
| 1 | Chính sách của Việt Nam với một số đối tác chính sau Chiến tranh lạnh | IR.009.03 | 3 | Tiếng Việt |
| 2 | Các vấn đề toàn cầu | IR.010.02 | 2 | Tiếng Việt/ Tiếng Anh |
| 3 | Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh | IR.011.02 | 2 | Tiếng Việt/ Tiếng Anh |
| 4 | Chính trị quốc tế hiện đại | IR.012.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 5 | Ngoại giao đa phương | IR.013.02 | 2 | Tiếng Việt |
| Tư chọn: Sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm kiến thức sau: (10 TC) | | | | |
| <i>a. An ninh quốc tế</i> | | | | |
| 1 | Lý thuyết An ninh quốc tế | IR.014.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 2 | Xung đột quốc tế sau Chiến tranh lạnh | IR.015.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 3 | An ninh Châu Á - Thái Bình Dương | IR.016.02 | 2 | Tiếng Việt/ Tiếng Anh |
| 4 | Cơ chế hợp tác an ninh đương đại | IR.017.02 | 2 | Tiếng Việt/ Tiếng Anh |
| 5 | Phân tích chính sách an ninh | IR.018.02 | 2 | Tiếng Việt/ Tiếng Anh |
| <i>b. Khu vực học</i> | | | | |
| 1 | Nghiên cứu Trung Quốc | IR.019.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 2 | Nghiên cứu Hoa Kỳ | IR.020.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 3 | Nghiên cứu ASEAN | IR.021.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 4 | Nghiên cứu EU | IR.022.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 5 | Nghiên cứu Nga | IR.023.02 | 2 | Tiếng Việt |

3. Kiến thức bổ trợ

12 tín chỉ

Sinh viên phải hoàn thành 12 TC kiến thức bổ trợ bắt buộc (tương đương 06 học phần)

| Stt | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----|-------------------------------------|-------------|------------|--------------------|
| 1 | Quan hệ kinh tế quốc tế | IE.006.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 2 | Công pháp quốc tế | IL.005.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 3 | Truyền thông quốc tế | IC.009.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 4 | Ngoại giao văn hóa | IC.010.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 5 | Kinh tế đối ngoại Việt Nam | IE.007.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 6 | Luật hiến pháp Việt Nam và các nước | IL.004.02 | 02 | Tiếng Việt |

4. Kiến thức ngoại ngữ

24 tín chỉ

| Stt | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----|--|----------------------------------|------------|----------------------|
| 1 | Tiếng Anh/Trung/Pháp cơ sở I | E.006.04 C.001.04 F.001.04 | 04 | Tiếng Anh/Trung/Pháp |
| 2 | Tiếng Anh/Trung/Pháp cơ sở II | E.007.04 C.002.04 F.002.04 | 04 | Tiếng Anh/Trung/Pháp |
| 3 | Tiếng Anh/Trung/Pháp chuyên ngành ngoại giao I | E.018.03 C.003.03 F.003.03 | 03 | Tiếng Anh/Trung/Pháp |
| 4 | Tiếng Anh/Trung/Pháp chuyên ngành ngoại giao II | E.019.03 C.004.03 F.004.03 | 03 | Tiếng Anh/Trung/Pháp |
| 5 | Tiếng Anh/Trung/Pháp chuyên ngành ngoại giao III | E.020.03 C.005.03 F.005.03 | 03 | Tiếng Anh/Trung/Pháp |
| 6 | Tiếng Anh/Trung/Pháp chuyên ngành ngoại giao IV | E.021.03 C.006.03 F.006.03 | 03 | Tiếng Anh/Trung/Pháp |
| 7 | Tiếng Anh/Trung/Pháp chuyên ngành ngoại giao V | E.022.04 C.007.04 F.007.04 | 04 | Tiếng Anh/Trung/Pháp |

5. Học phần kỹ năng**11 tín chỉ**

| Stt | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----|----------------------------|-------------|------------|--------------------------|
| 1 | Kỹ thuật soạn thảo văn bản | IR.024.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 2 | Công tác ngoại giao | IR.025.03 | 3 | Tiếng Việt |
| 3 | Đàm phán quốc tế | IR.026.03 | 3 | Tiếng Việt/ Tiếng Anh |
| 4 | Phân tích sự kiện quốc tế | IR.027.03 | 3 | Tiếng Việt |

6. Kiến thức hướng nghiệp**05 tín chỉ**

| Stt | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----|---------------------|-------------|------------|--------------------|
| 1 | Hướng nghiệp | AAD.028.02 | 2 | Tiếng Việt |
| 2 | Thực tập tốt nghiệp | IR.029.03 | 3 | Tiếng Việt |

7. Kiến thức tốt nghiệp**10 tín chỉ**

| Stt | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----|---------------------------------------|-------------|------------|-------------------------------|
| 1 | Khoa luận tốt nghiệp | IR.030.10 | 10 | Tiếng Việt/ Anh/Trung/Pháp |
| 2 | Học nhóm kiến thức chuyên sâu tự chọn | | | Tiếng Việt/ Anh |

8. Ma trận sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được Chuẩn đầu ra

| STT | Học phần | KT1 | KT2 | KT3 | KT4 | KT5 | KT6 | KT7 | KN1 | KN2 | KN3 | KN4 | KN5 | NLTCl | NLTc2 |
|-----|--|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-------|-------|
| 1. | Triết học Mác - Lênin | 3 | | | | | | | 3 | | | | | 3 | 3 |
| 2. | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 3 | | | | 3 | | | 3 | | | | | 3 | 3 |
| 3. | Chủ nghĩa xã hội Khoa học | 3 | | | | | | | 3 | | | | | 3 | 3 |
| 4. | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 3 | | | | | | | | | | | | 3 | 3 |
| 5. | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 3 | | | | | | | 3 | | | | | 3 | 3 |
| 6. | Tin học đại cương | | | | | | | | | | | | | 2 | 2 |
| 7. | Giáo dục thể chất | 3 | | | | | | | | | | | | | |
| 8. | Giáo dục quốc phòng | 3 | | | | | | | | | | | | | |
| 9. | Lịch sử văn minh thế giới | | | | | 3 | | | 3 | | | | | 3 | 3 |
| 10. | Xã hội học đại cương | | | | | 3 | | | 3 | | | | | 3 | 3 |
| 11. | Chính trị học đại cương | | | | | | | | 3 | 3 | | | | 3 | 3 |
| 12. | Lịch sử ngoại giao Việt Nam | | | | | | | | 4 | | | | | 4 | 4 |
| 13. | Lịch sử các học thuyết chính trị | | | | | | | | 4 | | | | | 4 | 4 |
| 14. | Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế | | | | | | | | 4 | | | | | 4 | 4 |
| 15. | Lịch sử quan hệ quốc tế cận hiện đại | | | | | | | | 3 | | | | | | |
| 16. | Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại | | | | | | | | 3 | | | | | 3 | 3 |
| 17. | Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1945 đến 1975 | | | | | | | | 4 | | | | | 3 | |
| 18. | Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay | | | | | | | | 4 | | | | | 3 | 3 |
| 19. | Lý luận Quan hệ quốc tế | | | | | | | | 4 | | | | | 4 | 4 |

| | | | | | | | | |
|-----------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 41. Ngoại ngữ cơ sở I | | | | | | | 3 | |
| 42. Ngoại ngữ cơ sở II | | | | | | | 3 | |
| 43. Ngoại ngữ chuyên ngành NG I | | | | | | | 3 | 4 |
| 44. Ngoại ngữ chuyên ngành NG II | | | | | | | 4 | 4 |
| 45. Ngoại ngữ chuyên ngành NG III | | | | | | | 4 | 4 |
| 46. Ngoại ngữ chuyên ngành NG IV | | | | | | | 4 | 4 |
| 47. Ngoại ngữ chuyên ngành NG V | | | | | | | 4 | 4 |
| 48. Kỹ thuật soạn thảo văn bản | | | | | | | 4 | |
| 49. Công tác ngoại giao | | | | | | | 4 | |
| 50. Đàm phán quốc tế | 3 | 4 | | | | | 4 | 4 |
| 51. Phân tích sự kiện quốc tế | | 4 | | | | | 4 | 4 |
| 52. Kỹ năng thuyết trình | | | | | | | 4 | 4 |
| 53. Hướng nghiệp | | | | | | | 3 | 2 |
| 54. Thực tập tốt nghiệp | | | 4 | 4 | 4 | 4 | 3 | 4 |
| 55. Khoa luận tốt nghiệp | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 3 | 4 |

IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN

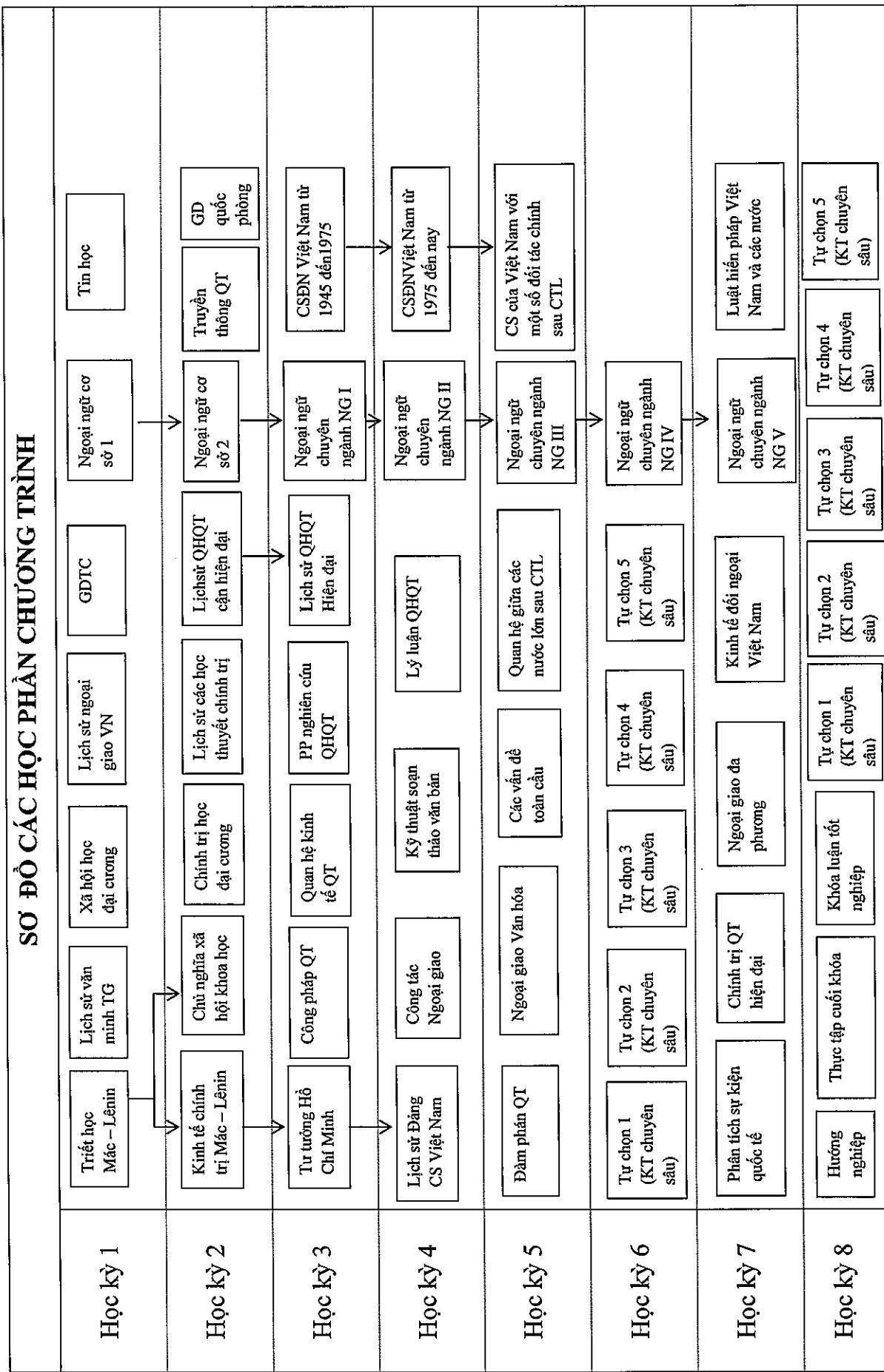
| Số thứ tự | Tên học phần | Số tín chỉ |
|-----------------|--|------------|
| HỌC KỲ 1 | | 15 |
| 1 | Triết học Mác - Lê nin | 3 |
| 2 | Lịch sử văn minh thế giới | 2 |
| 3 | Xã hội học đại cương | 2 |
| 4 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam | 2 |
| 5 | Ngoại ngữ cơ sở 1 (Anh/Pháp/Trung) | 4 |
| 6 | Tin học | 2 |
| 7 | <i>Giáo dục thể chất</i> | 3 |
| HỌC KỲ 2 | | 16 |
| 1 | Kinh tế chính trị Mác - Lê nin | 2 |
| 2 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 |
| 3 | Chính trị học đại cương | 2 |
| 4 | Lịch sử các học thuyết chính trị | 2 |
| 5 | Lịch sử quan hệ quốc tế cận - hiện đại | 2 |
| 6 | Truyền thông quốc tế | 2 |
| 7 | Ngoại ngữ cơ sở 2 (Anh/Pháp/Trung) | 4 |
| 8 | <i>Giáo dục quốc phòng</i> | 8 |
| HỌC KỲ 3 | | 16 |
| 1 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |
| 2 | Công pháp quốc tế | 2 |
| 3 | Quan hệ kinh tế quốc tế | 2 |
| 4 | Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế | 3 |
| 5 | Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại | 2 |
| 6 | Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1945 đến 1975 | 2 |

| | | |
|-----------------|---|-----------|
| 7 | Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao I (Anh/Pháp/Trung) | 3 |
| HỌC KỲ 4 | | 15 |
| 1 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 |
| 2 | Công tác ngoại giao | 3 |
| 3 | Kỹ thuật soạn thảo văn bản | 2 |
| 4 | Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay | 2 |
| 5 | Lý luận Quan hệ quốc tế | 3 |
| 6 | Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao II (Anh/Pháp/Trung) | 3 |
| HỌC KỲ 5 | | 15 |
| 1 | Đàm phán quốc tế | 3 |
| 2 | Chính sách của Việt Nam với một số đối tác chính sau Chiến tranh lạnh | 3 |
| 3 | Các vấn đề toàn cầu | 2 |
| 4 | Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh | 2 |
| 5 | Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao III (Anh/Pháp/Trung) | 3 |
| 6 | Ngoại giao văn hóa | 2 |
| HỌC KỲ 6 | | 13 |
| 1 | Nhóm kiến thức chuyên sâu tự chọn | 10 |
| 2 | Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao IV (Anh/Pháp/Trung) | 3 |
| HỌC KỲ 7 | | 15 |
| 1 | Phân tích sự kiện quốc tế | 3 |
| 2 | Chính trị quốc tế hiện đại | 2 |

| | | |
|-----------------|---|-----------|
| 3 | Ngoại giao đa phương | 2 |
| 4 | Kinh tế đối ngoại Việt Nam | 2 |
| 5 | Luật hiến pháp Việt Nam và các nước | 2 |
| 6 | Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao V (Anh/Pháp/Trung) | 4 |
| HỌC KỲ 8 | | 15 |
| 1 | Hướng nghiệp | 2 |
| 2 | Thực tập cuối khóa | 3 |
| 3 | Khóa luận tốt nghiệp/ hoặc học nhóm kiến thức chuyên sâu tự chọn * | 10 |

* *Những sinh viên không viết Khóa luận tốt nghiệp sẽ cần hoàn thành 05 học phần trong nhóm kiến thức chuyên sâu tự chọn (05 học phần còn lại thuộc chuyên sâu An ninh quốc tế và chuyên sâu Khu vực học của Học kỳ 6 mà sinh viên chưa học), tương đương với 10 tín chỉ.*

SƠ ĐỒ CÁC HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH



| | Kiến thức bổ trợ | Kiến thức chuyên ngành chuyên sâu |
|--------------------------------|--|--|
| Danh sách các học phần tự chọn | <p>1. Quan hệ kinh tế quốc tế</p> <p>2. Công pháp quốc tế</p> <p>3. Truyền thông quốc tế</p> <p>4. Kinh tế đối ngoại Việt Nam</p> <p>5. Luật hiến pháp Việt Nam và các nước</p> <p>6. Ngoại giao văn hóa</p> | <p><i>Chuyên sâu An ninh Quốc tế:</i></p> <p>1. An ninh châu Á - Thái Bình Dương</p> <p>2. Xung đột quốc tế sau CTL</p> <p>3. Lý thuyết an ninh QT</p> <p>4. Cơ chế hợp tác an ninh đương đại</p> <p>5. Phân tích chính sách an ninh</p> <p><i>Chuyên sâu Khu vực:</i></p> <p>1. Nghiên cứu Trung Quốc</p> <p>2. Nghiên cứu Hoa Kỳ</p> <p>3. Nghiên cứu ASEAN</p> <p>4. Nghiên cứu EU</p> <p>5. Nghiên cứu Nga</p> |

V. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

1. Triết học Mác - Lenin

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Triết học Mác - Lenin giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm triết học cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lenin với tư cách là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lenin là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng tiến bộ xã hội trong nhận thức và cải tạo xã hội. Triết học Mác - Lenin là học phần đầu tiên, là điều kiện tiên quyết cho các học phần khoa học lý luận Mác - Lenin trong chương trình đại học, cao đẳng.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng phương pháp luận vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lenin

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lenin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lenin giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lenin về kinh tế - chính trị học: lý luận về sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, cơ sở lý luận cơ bản của các mối quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng được vào hoạt động kinh tế - xã hội, cùng cõi thế giới quan khoa học, hình thành phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành như kinh tế học, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lenin**

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C.Mác, Ph.Ăngghen và V. I. Lênin về việc xây dựng một chế độ xã hội mới để thay thế cho các xã hội còn tồn tại tình trạng bất bình đẳng giai cấp. Học phần này nghiên cứu các quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội để luận giải cho tính tất yếu ra đời của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa và cách thức, con đường để định hướng cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động xây dựng thành công chế độ xã hội đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu được các nội dung, quan điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội, vận dụng được vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn; từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lenin, Kinh tế chính trị Mác - Lenin, Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh giới thiệu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN. Đó là các quan điểm về vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc; về đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin vào điều kiện Việt Nam; về kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giai cấp và giải phóng con người.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận Hồ Chí Minh để xem xét, luận giải đường lối chính sách của

Đảng Cộng sản Việt Nam; vận dụng thế giới quan và phương pháp luận Hồ Chí Minh vào thực tiễn sự nghiệp đổi mới hiện nay; thực hành theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

5. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lê nin, Kinh tế chính trị Mác - Lê nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu học phần Lịch sử Đảng CSVN/Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự ra đời của Đảng, đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930 - 1945, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống đế quốc Mỹ và đường lối thời kì đổi mới: đường lối công nghiệp hóa, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị, đường lối văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nắm được đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng qua các thời kì lãnh đạo cách mạng Việt Nam; nhận diện được những cơ sở để Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng; vận dụng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống; tin tưởng, góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng trong nhân dân.

6. Tin học

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Không

Là học phần 02 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-

mail, tìm kiếm tin tức.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và xử lý các văn bản, thông tin phục vụ cho các công việc chuyên môn.

7. Giáo dục thể chất

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Là học phần gồm 03 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng bao gồm: hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

8. Giáo dục quốc phòng

Số tín chỉ: **08**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Là học phần có 08 tín chỉ, bao gồm: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; Hiểu biết chung về quân, binh chủng. Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.

9. Lịch sử văn minh thế giới

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở khối ngành, cung cấp những kiến

thức cơ bản và hệ thống về lịch sử phát sinh, phát triển của các nền văn minh lớn trong lịch sử nhân loại từ thời cổ, trung đến cận - hiện đại với những nội dung: các điều kiện cho sự hình thành và phát triển của các nền văn minh, những thành tựu chủ yếu, những đóng góp cho văn minh nhân loại và phân biệt những điểm tương đồng và dị biệt giữa các nền văn minh.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử các nền văn minh lớn trên thế giới từ thời cổ đại đến hiện đại; hiểu và phân tích được những đặc điểm cơ bản của các nền văn minh; có khả năng vận dụng những nội dung đã học về lịch sử văn minh thế giới để liên hệ phân tích những vấn đề hiện tại; có thể liên hệ giữa những yếu tố văn minh thế giới với những bản sắc văn hóa Việt Nam. Sinh viên có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới văn hóa và văn minh trên thế giới; có khả năng phân tích và vận dụng những kiến thức văn hóa, văn minh nhân loại vào các lĩnh vực chuyên môn quan hệ quốc tế và ngoại giao; biết quý trọng, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa nhân loại và tiếp nhận một cách có chọn lọc các giá trị đó để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

10. Xã hội học đại cương

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần được kết cấu thành 09 chương, 09 chương này tạo thành bốn nhóm nội dung. Nội dung thứ nhất bàn về đối tượng nghiên cứu của xã hội học, chức năng của xã hội học, và mối quan hệ giữa xã hội học với một số ngành khoa học khác. Nội dung thứ hai đề cập đến lịch sử và lý thuyết xã hội học. Nội dung thứ ba tập trung vào các phương pháp nghiên cứu xã hội học. Nội dung cuối cùng đề cập đến những chủ đề cơ bản trong xã hội học. Như vậy, kết cấu của học phần dựa trên logic: gắn kết lịch sử, lý thuyết với phương pháp nghiên cứu, và những chủ đề quan trọng của xã hội học.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học đại cương trong việc phân tích, nghiên cứu đời sống xã hội; có thái độ

khách quan, khoa học trong quá trình nghiên cứu xã hội từ góc nhìn xã hội học.

11. Chính trị học đại cương

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần Chính trị học đại cương cung cấp cho sinh viên những khái niệm, phạm trù cơ bản của chính trị học như: chính trị, quyền lực chính trị, hệ thống chính trị, hoạt động chính trị, chủ thể hoạt động chính trị, quyết định chính trị, văn hóa chính trị, v.v... Môn học cũng giúp sinh viên hiểu biết về thực tiễn, xu hướng cơ bản của đời sống chính trị quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa và đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng nhận thức, phân tích chính trị và có thái độ chính trị đúng đắn.

12. Lịch sử ngoại giao Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức về các hoạt động trong quan hệ giữa Việt Nam với bên ngoài từ thời Văn Lang cho đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, bao gồm: quan hệ Việt - Trung; Việt Nam - Đông Nam Á và Việt Nam - Phương Tây; những hoạt động quốc tế của Đảng. Sinh viên có thể rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu ở thời chiến cũng như thời bình, từ đó giúp ích cho việc vận dụng vào sự nghiệp ngoại giao hiện đại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể bước đầu phân tích được chính sách ngoại giao Việt Nam, có thái độ chính trị đúng đắn.

13. Lịch sử các học thuyết chính trị

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, nhằm cung cấp cho sinh

viên những nội dung cơ bản của các học thuyết chính trị từ thế kỷ XV đến nay, những ưu, nhược điểm và giá trị thực tế của mỗi học thuyết. Qua việc phân tích, đánh giá các học thuyết chính trị chủ yếu trong lịch sử, học phần sẽ là nền tảng để sinh viên tiếp cận những kiến thức lý luận chuyên sâu thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế.

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng nhận thức, hiểu và phân tích các học thuyết chính trị lớn và có thái độ chính trị đúng đắn.

14. Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lenin, Chính trị học đại cương, Lịch sử quan hệ quốc tế**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, nhằm cung cấp những cách tiếp cận chính, phương pháp chủ yếu và những kỹ năng, thao tác cơ bản của công tác nghiên cứu như xử lý thông tin, viết và thuyết trình một vấn đề quốc tế. Qua đó, sinh viên nắm được các bước cần thiết trong việc xây dựng đề cương nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu... để có thể áp dụng cho quá trình làm tiểu luận, khóa luận và tranh luận các vấn đề liên quan đến nghiên cứu khoa học.

Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được các bước tiến hành nghiên cứu quan hệ quốc tế; có kiến thức về các phương pháp nghiên cứu trong quan hệ quốc tế; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có kỹ năng thuyết trình. Sinh viên có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan về quan hệ quốc tế, có năng lực lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và học tập về quan hệ quốc tế.

15. Lịch sử quan hệ quốc tế cận hiện đại (1500-1945)

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử văn minh thế giới**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về quá trình vận động và phát triển của lịch sử

quan hệ quốc tế, quan hệ chính trị giữa các quốc gia trong thời Cận đại và các cuộc chiến tranh thế giới.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử quan hệ quốc tế từ 1500 đến 1945; nắm vững xu thế vận động và phát triển của quan hệ quốc tế thời cận - hiện đại; có kiến thức chuyên sâu về quan hệ giữa các quốc gia thời Cận đại để có thể học tiếp các học phần sau. Sinh viên hình thành tư duy phản biện trong việc phân tích các vấn đề quốc tế; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề quốc tế cụ thể; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế; có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề quốc tế; có năng lực lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và học tập có liên quan tới quan hệ quốc tế.

16. Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945-nay)

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế cận hiện đại**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về quá trình phát triển của quan hệ quốc tế từ sau Thế chiến II đến nay cũng như những nội dung chính trong chính sách đối ngoại của một số nước, chủ yếu là các nước lớn. Học phần cũng trang bị cho sinh viên khả năng phân tích các vấn đề quốc tế hiện đại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức chuyên sâu về các mối quan hệ giữa các nước lớn để có thể học tiếp các học phần sau, có đủ kiến thức để áp dụng vào việc hiểu các vấn đề trong quan hệ quốc tế hiện nay và có thể phân tích và đánh giá một vấn đề quốc tế cụ thể. Sinh viên có tư duy phản biện trong việc phân tích các vấn đề quốc tế, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề quốc tế cụ thể. Sinh viên có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế và có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá

nhân về các vấn đề quốc tế.

17. Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1945-1975

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại**

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về chính sách đối ngoại; giúp sinh viên nắm được nội dung đường lối, chính sách đối ngoại quan trọng, nổi bật của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn 1945-1975.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam từ năm 1945-1975, có thể phân tích và đánh giá một chính sách đối ngoại cụ thể của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn 1945-1975, có khả năng phân tích chính sách đối ngoại Việt Nam giai đoạn 1945-1975, có thể làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày một chính sách đối ngoại cụ thể.

18. Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1945-1975**

Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam kể từ năm 1975 đến nay, cũng như quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ Đổi mới; trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích chính sách đối ngoại.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm vững kiến thức chuyên sâu về quá trình đổi mới tư duy đối ngoại, các thành tố của chính sách đối ngoại Việt Nam; có khả năng phân tích và đánh giá một vấn đề đối ngoại cụ thể của Việt Nam; có thể áp dụng phương pháp tiếp cận phù hợp để phân tích chính sách đối ngoại Việt Nam qua các giai đoạn, có khả năng trình bày về một vấn đề cụ thể trong chính sách đối ngoại. Sinh viên hình thành năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ

quốc tế, có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề đối ngoại và có nhận thức tốt về vai trò của chính sách đối ngoại trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam.

19. Lý luận quan hệ quốc tế

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: Chính sách đối ngoại Việt Nam

Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế, hệ thống các phạm trù (khái niệm) chính, tính quy luật và quy luật vận động phát triển của quan hệ quốc tế; giúp sinh viên hình thành tư duy, phương pháp nghiên cứu khoa học cũng như hình thành phương pháp luận Mác xít, cách tiếp cận khoa học trong việc xem xét, phân tích, đánh giá thực chất và dự báo các vấn đề cơ bản của quan hệ quốc tế.

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên nắm được cơ bản và hệ thống về các trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế, tính quy luật và quy luật vận động và phát triển của quan hệ quốc tế, có thể vận dụng các lý thuyết để hiểu và phân tích vấn đề quốc tế, có tư duy phản biện trong việc phân tích các vấn đề quốc tế, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có kỹ năng thuyết trình, tranh luận về các vấn đề thời sự quốc tế.

20. Chính sách của Việt Nam với một số đối tác chính sau Chiến tranh lạnh

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về quan hệ đối tác và đối tác chiến lược; nội dung quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với một số đối tác chủ yếu (gồm các nước láng giềng và nước lớn, như: Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Ấn Độ, ASEAN, EU, Lào và Campuchia), giúp sinh viên hình thành năng lực phân tích và dự báo chính sách.

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên nắm vững những khái niệm

và tiêu chí để xếp một mối quan hệ vào mức độ phù hợp trong quan hệ song phương của Việt Nam, kiến thức chuyên sâu về các mối quan hệ song phương của Việt Nam với các nước láng giềng và nước lớn từ sau Chiến tranh lạnh đến nay; có thể phân tích và đánh giá một chính sách đối ngoại cụ thể của Việt Nam với một đối tác chính. Sinh viên có thể phân tích, đánh giá chính sách đối ngoại của Việt Nam với các nước láng giềng và nước lớn, nghiên cứu độc lập và làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình, có khả năng tự học và phát triển các kiến thức liên quan tới chính sách đối ngoại Việt Nam với các nước láng giềng và nước lớn sau Chiến tranh lạnh, có ý thức trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp, có tinh thần chủ động, độc lập trong nghiên cứu và làm việc nhóm.

21. Các vấn đề toàn cầu

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, Lịch sử quan hệ quốc tế

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về toàn cầu hoá, các vấn đề toàn cầu và quản trị toàn cầu, nhấn mạnh tới các vấn đề an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, đói nghèo, di cư. Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và tư duy phân tích.

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về toàn cầu hoá, quản trị toàn cầu và các vấn đề toàn cầu, có thể vận dụng kiến thức để phân tích, nghiên cứu các vấn đề toàn cầu, có tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình, tranh luận về các vấn đề toàn cầu trong việc phân tích các vấn đề toàn cầu. Sinh viên có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế, lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và học tập có liên quan tới quan hệ quốc tế, bước đầu nắm được trách nhiệm của một công dân toàn cầu.

22. Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành phần kiến thức cơ sở ngành

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của một số nước lớn hiện nay như Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, EU và Ấn Độ. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên hình thành kỹ năng phân tích chính sách đối ngoại.

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên nắm vững các đặc điểm và xu hướng trong quan hệ giữa các nước lớn, các tác động của chúng tới đời sống quốc tế đương đại, từ đó có cái nhìn toàn diện hơn về quan hệ quốc tế hiện đại, có thể vận dụng phân tích, giải thích và đánh giá một vấn đề cụ thể phát sinh trong quan hệ giữa các nước lớn, cũng như trong quan hệ quốc tế nói chung. Sinh viên có tư duy phản biện khi tiếp cận một vấn đề quốc tế cụ thể, có khả năng thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin mạch lạc, hiệu quả; có thể phân tích, lý giải, và dự đoán chiều hướng quan hệ giữa các nước lớn một cách thuyết phục, có khả năng lập luận logic và khoa học, cũng như khả năng thuyết trình trước đám đông khi phân tích một vấn đề quốc tế. Sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tích luỹ và mở rộng kiến thức và kỹ năng liên quan đến quan hệ giữa các nước lớn và quan hệ quốc tế nói chung.

23. Chính trị quốc tế hiện đại

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành kiến thức cơ sở ngành, các học phần chuyên sâu bắt buộc và phần kiến thức chuyên sâu ngành chính tự chọn

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên một cách hệ thống và nâng cao kiến thức chuyên sâu về ngành quan hệ quốc tế, giúp sinh viên hiểu rõ nền tảng và sự vận động của nền chính trị quốc tế hiện đại, các xu hướng lớn tác động đến chính trị quốc tế hiện nay như chuyển dịch quyền lực, sự định hình trật tự thế giới mới, những quá trình tập hợp lực lượng, những trào lưu mới nổi như chủ nghĩa dân tộc, dân túy và những vấn đề mới nảy sinh và tác động của chúng đến sự phát triển của nền chính trị quốc tế đương đại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm vững kiến thức và phương

pháp luận tiếp cận nghiên cứu những vấn đề của nền chính trị quốc tế đương đại, có khả năng nắm bắt một số phạm trù, khái niệm chuyên sâu liên quan đến nền chính trị quốc tế cũng như một số đặc điểm chủ yếu của nền chính trị quốc tế hiện đại, có thể phân tích và đánh giá tác động của những xu hướng phát triển của nền chính trị quốc tế đến khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Việt Nam. Sinh viên có tư duy hệ thống và phản biện trong việc phân tích các vấn đề chính trị quốc tế hiện nay, lý giải, phân tích và dự báo các xu hướng chính yếu của nền chính trị quốc tế hiện đại, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, kỹ năng phân tích sự kiện, thuyết trình và phản biện. Sinh viên có thể tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức liên quan tới chính trị quốc tế cũng như kiến thức liên ngành, đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về sự vận động và phát triển của các vấn đề chính trị quốc tế và sự liên quan của chúng đến chiều hướng chính sách đối ngoại của Việt Nam.

24. Ngoại giao đa phương

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đã hoàn thành kiến thức cơ sở ngành, các học phần chuyên sâu bắt buộc và phần kiến thức chuyên sâu ngành chính tự chọn**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và thực tiễn cần thiết về chủ nghĩa đa phương trên thế giới, sự vận hành của các thể chế đa phương quốc tế, thực tiễn ngoại giao đa phương của các nước và Việt Nam, những xu thế tác động đến sự phát triển của ngoại giao đa phương trong thế kỷ 21 và hàm ý cho công tác đối ngoại đa phương của Việt Nam; phần thực hành bao gồm mô phỏng hội nghị quốc tế, kỹ năng chủ trì, điều phối dẫn dắt, đàm phán và thuyết trình.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về mặt lý luận, khái niệm và vai trò của ngoại giao đa phương trong hệ thống quốc tế, kiến thức chuyên sâu về thực tiễn hoạt động của các thể chế đa phương quốc tế và ngoại giao đa phương của các nước trên thế giới, quá trình phát triển của đối ngoại đa phương Việt Nam qua các thời kỳ, ý nghĩa, vai trò của công tác

đối ngoại đa phương trong chính sách đối ngoại của Việt Nam hiện nay. Sinh viên hình thành khả năng tư duy hệ thống và phản biện trong việc phân tích các vấn đề ngoại giao đa phương, có kỹ năng cần thiết để hoạt động trong môi trường đa phương, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề đa phương cụ thể. Sinh viên có thể tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực ngoại giao đa phương, đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về sự vận động và phát triển của ngoại giao đa phương trên thế giới và ở khu vực; có năng lực nghiên cứu các vấn đề đa phương và vận dụng kỹ năng ngoại giao đa phương trong thực tiễn và nhận thức tốt về vai trò, ý nghĩa của công tác đối ngoại đa phương trong tổng thể chính sách đối ngoại của Việt Nam.

25. Lý thuyết an ninh quốc tế

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đã hoàn thành kiến thức cơ sở ngành, các học phần Lịch sử quan hệ quốc tế, Lý luận quan hệ quốc tế**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết an ninh quốc tế; trang bị cho sinh viên khả năng vận dụng khung lý thuyết để nghiên cứu, phân tích một số công cụ an ninh quốc tế (xung đột, liên minh, răn đe, trừng phạt...) và vấn đề an ninh quốc tế (khủng bố quốc tế, can thiệp nhân đạo, chiến tranh mạng...).

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết an ninh quốc tế, kiến thức chuyên ngành về một số công cụ an ninh quốc tế (xung đột, liên minh, răn đe, trừng phạt...) và một số vấn đề an ninh quốc tế nổi cộm (khủng bố quốc tế, can thiệp nhân đạo, chiến tranh mạng...); có thể vận dụng kiến thức đã học để phân tích, nghiên cứu các vấn đề an ninh quốc tế, có tư duy phản biện trong việc phân tích an ninh quốc tế và kỹ năng thuyết trình, tranh luận về an ninh quốc tế, khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Sinh viên có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực an ninh quốc tế, có thể lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc

thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và học tập có liên quan tới an ninh quốc tế.

26. Xung đột quốc tế sau Chiến tranh lạnh

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên sâu bắt buộc

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về xung đột và quá trình giải quyết xung đột quốc tế sau Chiến tranh lạnh như: khái niệm, lịch sử, phương pháp phân tích, và phân loại các dạng thức xung đột quốc tế sau Chiến tranh lạnh, những đặc điểm chính của tình hình xung đột trên thế giới sau Chiến tranh lạnh; bản chất và những nguyên nhân dẫn đến những xung đột này; các vấn đề mới nổi và biện pháp giải quyết xung đột đã và đang diễn hành hiện nay ở cấp độ toàn cầu và khu vực.

Qua học phần này, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về các vấn đề xung đột và giải quyết xung đột quốc tế Sau chiến tranh lạnh, có khả năng xác định các dạng thức xung đột quốc tế, bản chất và nguyên nhân của chúng, nắm vững các khái niệm và phương pháp tiếp cận nghiên cứu xung đột quốc tế từ góc độ lý thuyết và lịch sử. Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu và phân tích xung đột như cách tiếp cận hệ thống (ba cấp độ phân tích), phương pháp lịch sử, phương pháp dự báo để phân tích các cuộc xung đột quốc tế sau Chiến tranh lạnh; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới an ninh xung đột quốc tế, có cái nhìn khách quan, toàn diện về một trong những quá trình chính của chính trị quốc tế là xung đột quốc tế cũng như những giải pháp để hạn chế xung đột và tăng cường hợp tác trong QHQT; có nhận thức tốt về quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xung đột và giải quyết xung đột trong QHQT và vai trò của Việt Nam trong lĩnh vực này.

27. An ninh Châu Á - Thái Bình Dương

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành kiến thức cơ sở ngành

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức về các vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, từ đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn vấn đề lịch sử, hiện trạng và triển vọng của an ninh khu vực, cũng như tính đa dạng của các thách thức an ninh; giúp sinh viên hình thành năng lực phân tích chính sách và quan hệ của các nước trong khu vực, các vấn đề cơ bản về an ninh khu vực như cấu trúc an ninh khu vực, cục diện khu vực, chính sách an ninh của các chủ thể chính trong khu vực, và những thách thức an ninh chủ yếu đang tồn tại ở Châu Á - TBD.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm vững những lý thuyết cơ bản về an ninh quốc tế và thực trạng an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, có kiến thức hệ thống và chuyên sâu về khung phân tích cục diện để làm sáng tỏ các vấn đề an ninh khu vực, có thể vận dụng các kiến thức trên để phân tích và lý giải các vấn đề an ninh của khu vực. Sinh viên hình thành tư duy biện chứng và phương pháp tiếp cận phù hợp để phân tích một vấn đề an ninh cụ thể của khu vực, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề cụ thể về an ninh khu vực, có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phát hiện, tổng hợp, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến an ninh khu vực; có thể tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực an ninh khu vực, đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các diễn biến mới về an ninh khu vực, lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và học tập có liên quan tới các vấn đề an ninh của khu vực Châu Á - TBD.

28. Cơ chế hợp tác an ninh đương đại

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đã hoàn thành kiến thức cơ sở ngành, các học phần chuyên sâu bắt buộc và Lý thuyết an ninh quốc tế**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm và cách thức hoạt động của các cơ chế hợp tác an ninh (cũ và mới) trên thế giới sau Chiến tranh lạnh, qua đó thấy được vai trò của các cơ chế này trong việc đảm bảo an ninh quốc tế; trang bị cho sinh viên khả

năng phân tích các cơ chế hợp tác an ninh hiện nay.

Qua học phần này, sinh viên nắm vững những lý thuyết cơ bản liên quan đến vấn đề hợp tác an ninh giữa các quốc gia, từ đó có thể vận dụng để giải thích các quá trình hợp tác an ninh, sự hình thành của các cơ chế hợp tác an ninh đương đại, có kiến thức hệ thống và chuyên sâu về quá trình hình thành và phát triển của một số mô hình hợp tác an ninh tiêu biểu, có thể vận dụng các kiến thức trên để phân tích và lý giải các đặc điểm, thành công, hạn chế và triển vọng của các mô hình hợp tác an ninh đó trong việc giải quyết các vấn đề an ninh khu vực và toàn cầu; hình thành khả năng phân tích, giải thích một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực an ninh quốc tế, có khả năng thuyết trình, lập luận một cách logic, mạch lạc trước đám đông về một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực an ninh quốc tế và khả năng thực hiện những nghiên cứu độc lập và theo nhóm về một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực an ninh quốc tế nói riêng và trong quan hệ quốc tế nói chung.

29. Phân tích chính sách an ninh

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đã hoàn thành kiến thức cơ sở ngành**

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng phân tích chính sách an ninh của các quốc gia thông qua công cụ lý thuyết và thực hành, với các ví dụ điển hình về phân tích chính sách an ninh của Mỹ, Liên minh Châu Âu, sự hiểu biết sâu về tình hình an ninh hiện nay của Mỹ và Châu Âu cũng như những giải pháp đưa ra để giải quyết những thách thức an ninh trong khu vực này.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm vững kiến thức chuyên sâu về quá trình phân tích chính sách an ninh của một quốc gia, có thể vận dụng các kiến thức trên để phân tích và lý giải quá trình hoạch định chính sách an ninh của các quốc gia; có tư duy biện chứng và phương pháp tiếp cận phù hợp để phân tích chính sách an ninh của một quốc gia, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày một vấn đề cụ thể về chính sách an ninh; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh

vực an ninh quốc tế và phân tích chính sách an ninh; có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề an ninh; có nhận thức tốt về vai trò của chính sách an ninh trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam.

30. Nghiên cứu Trung Quốc

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành phần kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên sâu bắt buộc

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Trung Quốc, đồng thời cung cấp những kiến thức cần thiết phục vụ phân tích chính sách đối ngoại Trung Quốc, bao gồm chính sách của Trung Quốc đối với Việt Nam. Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu và phân tích nước lớn, giúp sinh viên nắm bắt và phát hiện những vấn đề nghiên cứu chuẩn bị cho viết khoá luận tốt nghiệp.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có kiến thức cơ bản về lịch sử, địa lý, kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, ngoại giao của Trung Quốc; có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phát hiện, tổng hợp, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến Trung Quốc; có tư duy phản biện trong nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chính trị - đối ngoại của một nước. Sinh viên có thể tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới Trung Quốc, nhất là về chính trị và đối ngoại của Trung Quốc; có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề liên quan đến Trung Quốc.

31. Nghiên cứu Hoa Kỳ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành phần kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên sâu bắt buộc

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử hình thành và phát triển đất nước Hoa Kỳ, đặc điểm của hệ thống chính trị và văn hóa Hoa Kỳ, quá trình hình thành và triển khai của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ, đặc biệt là trong giai đoạn hậu Chiến tranh lạnh, cụ thể đối với khu vực có ý nghĩa đối với Việt Nam như Châu

Á - Thái Bình Dương. Học phần giúp sinh viên nắm bắt và phát hiện những vấn đề nghiên cứu chuẩn bị cho viết khoá luận tốt nghiệp.

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có được kiến thức hệ thống và chuyên sâu về lịch sử và văn hóa Hoa Kỳ, kiến thức toàn diện về sự vận động của nền chính trị Hoa Kỳ và tác động tới chính sách đối ngoại Hoa Kỳ, có hiểu biết sâu sắc phương pháp phân tích chính sách đối ngoại Hoa Kỳ. Sinh viên hình thành khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và tư duy nghiên cứu độc lập; có độ nhạy bén về các vấn đề chính trị, ngoại giao của một đối tác, ý thức trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp và xây dựng được tính kỷ luật trong công tác tác chiến và đối ngoại.

32. Nghiên cứu ASEAN

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành phần kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên sâu bắt buộc

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về cơ sở lý thuyết, lịch sử hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), về bản chất của các cơ chế và lĩnh vực hợp tác cũng như các mối quan hệ đối ngoại của ASEAN và sự tham gia của Việt Nam trong ASEAN. Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu và phân tích các tổ chức khu vực, trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu và phân tích các tổ chức khu vực.

Qua học phần này, sinh viên nắm vững kiến thức về cơ sở lý thuyết cũng như lịch sử hình thành và phát triển của ASEAN, kiến thức tương đối chuyên sâu về các lĩnh vực hợp tác và cơ chế hợp tác của ASEAN; có hiểu biết về các mối quan hệ đối ngoại của ASEAN cũng như vai trò của tổ chức này trong quan hệ quốc tế và sự tham gia, vai trò của Việt Nam trong ASEAN. Sinh viên hình thành kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phát hiện, tổng hợp, phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề liên quan đến ASEAN; kỹ năng phản biện trong phân tích và đánh giá các lĩnh vực hợp tác, cơ chế hợp tác, quan hệ đối ngoại

của ASEAN cũng như sự hợp tác của Việt Nam trong tổ chức này. Đồng thời, sinh viên có thể đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về ASEAN, hợp tác làm việc nhóm và tự học nâng cao kiến thức về ASEAN.

33. Nghiên cứu EU

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành phần kiến thức cơ sở ngành và các học phần chuyên sâu bắt buộc

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU), những thành quả và hạn chế của quá trình nhất thể hóa châu Âu. Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu và phân tích các tổ chức khu vực, giúp sinh viên nắm bắt và phát hiện những vấn đề nghiên cứu chuẩn bị cho viết khoá luận tốt nghiệp.

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có kiến thức chuyên sâu về Liên minh Châu Âu (EU) trên các vấn đề: tiến trình nhất thể hóa, các thể chế và quyết sách, các mối quan hệ quốc tế, những thách thức mà EU phải đối mặt, vai trò của EU trong quan hệ quốc tế và giải quyết các vấn đề toàn cầu, nắm vững phương pháp nghiên cứu khu vực, có đủ kiến thức để áp dụng vào việc hiểu các tổ chức khu vực và các tổ chức quốc tế cũng như vai trò của các tổ chức này trong quan hệ quốc tế. Sinh viên có khả năng áp dụng phương pháp nghiên cứu khu vực vào phân tích các vấn đề khu vực và quốc tế, làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một tổ chức khu vực, quốc tế cụ thể, đồng thời có thể tự học nâng cao kiến thức, đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các thể chế chính trị quốc tế.

34. Nghiên cứu Nga

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử quan hệ quốc tế cận - hiện đại, Chính sách đối ngoại Việt Nam

Học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên

những kiến thức cơ bản và tương đối hệ thống về nước Nga và khu vực không gian hậu Xô Viết. Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu và phân tích về nước lớn, giúp sinh viên nắm bắt và phát hiện những vấn đề nghiên cứu chuẩn bị cho viết khoá luận tốt nghiệp.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản và hệ thống về nước Nga và không gian hậu Xô Viết, có thể phân tích và đánh giá một vấn đề quốc tế cụ thể liên quan đến Nga và không gian hậu Xô Viết. Sinh viên có tư duy phản biện trong việc phân tích các vấn đề liên quan đến Nga và không gian hậu Xô Viết, trình bày về một vấn đề cụ thể liên quan đến Nga và khu vực hậu Xô Viết; có thể tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực Nga và hậu Xô Viết và những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề liên quan đến Nga và không gian hậu Xô Viết.

35. Ngoại ngữ cơ sở I

35.1. Tiếng Anh

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Không**

* *Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương B1 (5.5 IELTS), sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định của Khoa tiếng Anh.*

Học phần là cơ sở để sinh viên phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết phục vụ giao tiếp ở mức độ trung cấp. Học phần nhằm giúp sinh viên giao tiếp hiệu quả trong hầu hết các tình huống hàng ngày, nắm được ý chính của các bài đọc có độ dài trung bình về một chủ đề quen thuộc dễ đoán, sử dụng từ vựng tiếng Anh hiệu quả để viết được đoạn văn ngắn với chủ đề thông thường và có thể nghe hiểu ý chính và nắm được thông tin trong các đoạn hội thoại với các chủ đề đời sống hàng ngày.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung bình để giao tiếp trong các tình huống hàng ngày với các chủ đề quen thuộc, có thể hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh và xây dựng thái độ tích cực và niềm yêu thích đối với việc học ngoại ngữ.

35.2. Tiếng Pháp

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần trang bị cho sinh viên 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, ôn luyện và tích luỹ thêm các kiến thức ngữ pháp, từ vựng cơ bản và tiếp thu một số kiến thức mới về văn hoá, xã hội Pháp. **Kỹ năng Đọc:** Luyện và phát triển cho sinh viên các kỹ năng nắm ý chính, hiểu các từ, các cách diễn đạt và chi tiết quan trọng trong các bài khóa đơn giản về các chủ đề về cuộc sống thường ngày, các bài khoá có bố cục rõ ràng và chủ đề gần gũi với kiến thức nền. **Kỹ năng Nghe:** Luyện và phát triển cho sinh viên các kỹ năng nghe hiểu như nghe lấy ý chính, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, phát hiện hàm ý của người nói dựa trên ngữ cảnh trong các tình huống giao tiếp của cuộc sống thường nhật, tốc độ nói trung bình. **Kỹ năng Nói:** Trang bị cho sinh viên các kỹ năng nói cần thiết để tham gia vào các cuộc hội thoại, trao đổi thông thường như miêu tả sự vật, báo cáo và kể lại một sự kiện/tình huống, bày tỏ thái độ, tình cảm, hay ý kiến cá nhân. **Kỹ năng Viết:** Luyện tập và phát triển các kỹ năng viết câu, đoạn văn, văn bản đơn giản về các chủ đề thông thường, ghi chép lại những thông tin hoặc thông điệp đơn giản và ngắn, viết để trao đổi thông tin, tường thuật các sự kiện, miêu tả người, vật, tả cảnh...

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể đọc hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, văn hoá, xã hội, kỹ năng sống, trình bày quan điểm và trả lời các câu hỏi liên quan đến chủ đề quen thuộc trong cuộc sống phục vụ cho giao tiếp cơ bản, viết câu hoàn chỉnh một cách thuận thực và viết đoạn văn ngắn sử dụng cách dùng từ và cấu trúc câu phù hợp với các chủ đề quen thuộc, nghe hiểu tốt ý chính và thông tin chi tiết của đoạn hội thoại, đối thoại ngắn đến trung bình với các chủ đề về cuộc sống hàng ngày. Sinh viên có khả năng đọc lấy ý chính, đọc lướt và đọc lấy thông tin chi tiết, nghe lấy từ khóa, nghe lấy ý chính và nghe lấy thông tin chi tiết, viết theo phong cách học thuật và phong cách viết

của người bản ngữ và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Pháp phục vụ cho giao tiếp thông thường; hình thành thói quen thực hành tiếng Pháp hàng ngày để có thể giao tiếp ở mức cơ bản; có thái độ tích cực đối với việc học ngoại ngữ

35.3. Tiếng Trung

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Sinh viên hoàn thành chương trình tiếng Trung ở bậc phổ thông**

* *Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Trung quốc tế HSK4, sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định.*

Học phần là cơ sở để sinh viên phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết phục vụ giao tiếp cơ bản. Học phần nhằm giúp sinh viên giao tiếp hiệu quả trong hầu hết các tình huống hàng ngày, nắm được ý chính của các bài đọc có độ dài trung bình về một chủ đề quen thuộc, dễ đoán, sử dụng từ vựng tiếng Trung hiệu quả để viết được đoạn văn ngắn với chủ đề thông thường và có thể nghe hiểu ý chính và nắm được thông tin trong các đoạn hội thoại với các chủ đề đời sống hàng ngày.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Trung ở mức độ trung bình để giao tiếp trong các tình huống hàng ngày với các chủ đề quen thuộc, có thể hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài và xây dựng thái độ tích cực và niềm yêu thích đối với việc học ngoại ngữ.

36. Ngoại ngữ cơ sở II

36.1. Tiếng Anh

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I**

* *Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương B1 (6.0 IELTS), sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định của Khoa tiếng Anh.*

Học phần giúp sinh viên tiếp tục phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, và viết phục vụ cho mục đích học thuật. Học phần nhằm củng cố và nâng cao khả

năng giao tiếp của sinh viên từ mức độ trung bình tới phức tạp, giúp sinh viên hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Sinh viên có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ; có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung cấp bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

36.2. Tiếng Pháp

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Pháp cơ sở I**

Học phần này tiếp tục trang bị cho sinh viên những kiến thức mở rộng về ngữ pháp, từ vựng, luyện âm cũng như rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp hàng ngày và các tình huống giao tiếp thông thường trong môi trường làm việc liên văn hóa và đối ngoại.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên: i) củng cố và nâng cao những kiến thức ngữ pháp tiếng Pháp như: La voix passive, Subjonctif présent, adverbes/pronoms interrogatifs, pronoms relatifs...; ii) mở rộng lượng từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp thông thường và ở môi trường làm việc liên văn hóa liên quan đến đối ngoại; iii) tiếp tục tìm hiểu văn hóa xã hội Pháp cũng như các kiến thức đơn giản về một số cơ quan và tổ chức quốc tế (Liên minh châu Phi, Đài RFI, Đài truyền hình TV5, Tổ chức quốc tế Pháp ngữ...). Sinh viên hiểu biết hơn và mong muốn tìm hiểu nhiều hơn về đất nước, con người, ngôn ngữ và văn hóa Pháp, mạnh dạn bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình trong các cuộc trao đổi với những người bản ngữ nói tiếng Pháp.

36.3. Tiếng Trung

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Sinh viên hoàn thành TTCS I**

** Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Trung quốc tế HSK4 280 điểm trở lên, sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định.*

Học phần phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và kỹ năng mềm trong đàm phán thương mại. Học phần nhằm củng cố và nâng cao khả năng giao tiếp của sinh viên từ mức độ cơ bản tới phức tạp, giúp sinh viên hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Sinh viên có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ; có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau và mô phỏng đàm phán thương mại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Trung ở mức độ trung cấp bậc 4/6 Khung NLNN Việt Nam.

37. Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao I

37.1. Tiếng Anh

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I và II** (không áp dụng đối với những sinh viên được miễn học Tiếng Anh cơ sở I và II)

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình, các vấn đề quốc tế. Học phần cũng tập trung vào việc đọc hiểu các bài báo của tờ International Herald Tribune và nghe hiểu các đoạn tin tức và bình luận ở tốc độ chậm trên chương trình Special English của VOA/BBC, kết hợp với các giờ thảo luận, phân tích dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tiếp thu các nội dung kiến thức và kỹ năng thông qua bộ hệ thống các câu hỏi, đề tài thuyết trình, từ đó vận dụng được khéo từ vựng cơ bản chuyên ngành ngoại giao. Về mặt kiến thức,

sinh viên nắm vững các từ ngữ, thuật ngữ, các thành ngữ cơ bản của chuyên ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu bằng tiếng Anh.

37.2. Tiếng Pháp

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Pháp cơ sở I, II**

Học phần này tiếp tục củng cố cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ, hệ thống hóa và nâng cao các kiến thức ngữ pháp tiếng Pháp, được rèn luyện các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu về các chủ đề của cuộc sống thường ngày cũng như các vấn đề văn hóa xã hội của Pháp, đặc biệt được trang bị thêm các kiến thức về đất nước học. Học phần được giảng dạy theo các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, viết, nói và trang bị kiến thức văn hóa văn minh Pháp.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên: i) nắm được các kiến thức ngữ pháp tiếng Pháp nâng cao về thời, thức của động từ, đại từ liên hệ, đại từ bổ ngữ, các lối diễn đạt nguyên nhân, mục đích, hậu quả, đối lập, nhượng bộ..., ii) nắm được các kiến thức cơ bản về các vấn đề văn hóa, xã hội của Pháp (đất nước, con người, văn hóa ẩm thực, giải trí, hệ thống giáo dục, thanh thiếu niên, thị trường lao động, các phương tiện thông tin truyền thông, ...); iii) các kiến thức chung bằng tiếng Pháp về các vấn đề văn hóa, xã hội phổ biến. Sinh viên hiểu biết hơn và mong muốn tìm hiểu nhiều hơn về các vấn đề văn hóa, xã hội của Pháp, tích cực tìm các điểm tương đồng và khác biệt giữa văn hóa, xã hội Pháp và Việt Nam.

37.3. Tiếng Trung

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung cơ sở I và II** (không áp dụng đối với những sinh viên được miễn học Tiếng Trung cơ sở I và II)

Học phần phát triển các kỹ năng nghe, đọc báo, viết nâng cao. Học phần cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế (The People's Daily, Xinhua News Agency) và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nói tiếng thế giới (CCTV), qua đó hình thành phương pháp tìm tài liệu, đọc hiểu các vấn đề quốc tế; trang bị cho sinh viên các

từ ngữ, thuật ngữ, cấu trúc đặc thù thường gặp về chính trị, xã hội, kinh tế; rèn luyện kỹ năng viết được chính xác các dạng viết ứng dụng như viết công hàm, viết thư từ, viết đơn, có thể truyền đạt chính xác các thông tin chuyên ngành trong một bộ cục chuẩn.

Sau khi hoàn thành học phần, có thể tiếp thu các nội dung kiến thức và kỹ năng thông qua bộ hệ thống các câu hỏi, đề tài thuyết trình, từ đó vận dụng được khái từ vựng cơ bản chuyên ngành ngoại giao để viết một đoạn văn, đồng thời bước đầu đưa ra ý kiến đánh giá, quan điểm của bản thân mình về các vấn đề xã hội, tóm tắt (đơn giản) thông tin về các vấn đề xã hội, thuyết trình bằng tiếng Trung về những đề tài xã hội mang tính khái quát. Về mặt kiến thức, sinh viên nắm vững các từ ngữ, thuật ngữ, các thành ngữ cơ bản của chuyên ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu bằng tiếng Trung.

38. Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao II

38.1. Tiếng Anh

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao I**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các phương pháp tiếp cận khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh phổ biến thế giới, từ đó biết cách tìm tài liệu phù hợp và phân tích các vấn đề quốc tế. Học phần tập trung vào các bài báo của tờ International Herald Tribune theo các chủ đề phong cách sống, nghệ thuật, giải trí, công nghệ, khoa học và sức khỏe, cũng như nghe hiểu các đoạn tin tức và bình luận ở tốc độ chậm trên chương trình Special English của VOA/BBC, kết hợp với các buổi thảo luận, phân tích dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề thời sự quốc tế nổi bật.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng được khái từ vựng đa dạng theo các chủ đề đã học. Về mặt kiến thức, sinh viên hiểu được và sử dụng các từ ngữ, thuật ngữ, các thành ngữ cơ bản và chuyên ngành bằng tiếng Anh trong lĩnh vực thời sự quốc tế, vấn đề toàn cầu. Về mặt kỹ năng, sinh viên sẽ được nâng cao

các kỹ năng tiếp thu và trình bày vấn đề trong bối cảnh rộng hơn.

38.2. Tiếng Pháp

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Pháp chuyên ngành ngoại giao I**

Học phần luyện tập và phát triển cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản, các kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin khi đọc các bài báo về thời sự Pháp và quốc tế trên các báo, tạp chí lớn của Pháp và các nước Pháp ngữ; các kỹ năng nghe hiểu các đoạn tin tức thời sự trên các đài phát thanh, truyền hình của Pháp và các nước Pháp ngữ, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm kiếm tài liệu và phân tích tình hình quốc tế. Các chủ đề được đề cập đến trong các tài liệu đọc hiểu và nghe hiểu cũng như các vấn đề nổi bật của thời sự quốc tế sẽ được sử dụng để làm chủ đề thảo luận cho sinh viên. Sinh viên sẽ được hướng dẫn trình bày các vấn đề nêu trên, bày tỏ ý kiến của mình và xây dựng lập luận để bảo vệ ý kiến của mình. Ngoài ra trong học phần này, sinh viên bước đầu được tiếp cận với các nguyên tắc cơ bản của việc chuyển dịch thông tin từ tiếng Pháp sang tiếng Việt cũng như từ tiếng Việt sang tiếng Pháp.

38.3. Tiếng Trung

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung chuyên ngành Ngoại giao I**

Học phần tiếp tục phát triển kỹ năng nghe, đọc báo, kỹ năng mềm trong ngoại giao. Học phần cung cấp cho sinh viên các từ ngữ và thuật ngữ về chính trị, xã hội, kinh tế, giáo dục, sức khỏe, khoa học kỹ thuật và văn hóa, cung cấp các cấu trúc câu đặc thù thường gặp trong các văn bản chính thống của Trung Quốc, từ đó rèn luyện kỹ năng nghe, đọc, viết, nói trong các lĩnh vực trên.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu các bản tin chính trị, xã hội, kinh tế, giáo dục, sức khỏe, khoa học kỹ thuật và văn hóa bằng tiếng Trung ở mức độ cao hơn mức cơ bản, có khả năng sử dụng các từ ngữ chuyên ngành để nghe, nói, đọc, viết về các vấn đề này. Sinh viên được trang bị kỹ năng tóm tắt vấn đề, tóm tắt nội dung các bài báo, nghe hiểu tốt.

39. Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao III

39.1. Tiếng Anh

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao II**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình quốc tế. Học phần tập trung vào việc phân tích các bài báo về chủ đề ngoại giao từ các tờ báo có tên tuổi trên thế giới như The Guardian Weekly, The Economist, The New York Times, v.v. Học phần cũng tập trung vào nghe các đoạn tin có tốc độ trung bình trên các kênh truyền thanh như VOA và BBC. Học phần bao gồm các giờ thảo luận dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về các vấn đề chính trị, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, luật pháp, khoa học, công nghệ cũng như các vấn đề của ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu. Sinh viên có thể khai thác và thảo luận nội dung các tin/bài được đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh tiếng Anh về các chủ đề đã học hoặc các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

39.2. Tiếng Pháp

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Pháp chuyên ngành Ngoại giao II**

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng đọc hiểu, phân tích và tổng hợp thông tin khi đọc các bài báo về thời sự quốc tế trên các báo, tạp chí lớn của Pháp và các nước Pháp ngữ; các kỹ năng nghe hiểu các đoạn tin thời sự, từ tin chậm, tin vắn đến bản tin thông thường trên các đài phát thanh, truyền hình của Pháp và các nước Pháp ngữ, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm kiếm tài liệu về các vấn đề quốc tế. Ngoài ra trong học phần này, sinh viên bước đầu được tiếp cận với các nguyên tắc, trình tự thao tác và

thủ thuật cơ bản của công việc biên dịch đổi ngoại từ tiếng Pháp sang tiếng Việt cũng như từ tiếng Việt sang tiếng Pháp. Việc triển khai giảng dạy được thực hiện theo 3 nhóm kỹ năng: Đọc hiểu và dịch xuôi, Nghe hiểu và diễn đạt nói, Dịch ngược và viết.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được: i) các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến các vấn đề quốc tế mang tính kinh tế xã hội và các cấu trúc ngữ pháp cần thiết cho việc đọc hiểu, viết và trình bày các vấn đề này; ii) các kiến thức bằng tiếng Pháp liên quan đến các vấn đề quốc tế mang tính kinh tế xã hội như: dân số, phát triển, toàn cầu hóa, đầu tư nước ngoài, môi trường và biến đổi khí hậu, năng lượng, nông nghiệp và đa dạng sinh học, ma túy, bệnh dịch... ; iii) một số vấn đề lý thuyết cơ bản về biên dịch (phương pháp thu thập tài liệu liên quan đến nội dung dịch trong ngôn ngữ đích, trình tự thao tác thực hiện một bản dịch, các thủ pháp dịch cơ bản). Sinh viên chủ động tìm hiểu các kiến thức về thời sự quốc tế, quan hệ quốc tế và các tình huống nghề nghiệp tương lai, có óc quan sát, ham học hỏi để trau dồi cách ứng xử trong các tình huống nghề nghiệp tương lai.

39.3. Tiếng Trung

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung chuyên ngành Ngoại giao II**

Học phần này là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về ngoại giao và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực. Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế, các bài báo được đăng trên các trang web chính thức của các bộ, ban, ngành của Trung Quốc và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu, đọc hiểu và phân tích tình hình quốc tế. Học phần cũng tập trung vào nghe các đoạn tin có tốc độ trung bình trên kênh CCTV; phân tích và thảo luận dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về các vấn đề chính trị, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, luật pháp, khoa học, công nghệ cũng như các vấn đề của ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu. Sinh viên có thể khai thác, lồng tiếng và thảo luận nội dung các tin/bài được đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh tiếng Trung về các chủ đề đã học hoặc các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

40. Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao IV

40.1. Tiếng Anh

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao III**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về ngoại giao và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực. Sinh viên sẽ đọc, nghe, thảo luận và trình bày xung quanh nội dung các tin/bài được đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh bản ngữ ở tốc độ nhanh. Sinh viên tiếp tục được trang bị các kỹ năng mới như đọc để rút ra ý chính, suy luận để tìm ra được những nội dung liên quan trong bài báo, nghe để rút ra được ý chính cho cả đoạn tin, kỹ năng tóm tắt đoạn tin.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xác định vấn đề thời sự, so sánh đối chiếu và biện luận những nhân tố tác động đến các sự kiện quốc tế; có khả năng xây dựng lại một sự kiện, hay một đoạn tin dựa trên những phân tích, lập luận trong quá trình đọc hiểu, nghe hiểu tin tức đó; có khả năng sắp xếp ý, tổng hợp vấn đề, phân tích có chiều sâu một vấn đề thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế (chính trị, kinh tế, ngoại giao đa phương, song phương).

40.2. Tiếng Pháp

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Pháp chuyên ngành Ngoại giao III**

Học phần này tiếp tục củng cố và nâng cao cho sinh viên các kỹ năng đọc, phân tích và tổng hợp thông tin của các bài báo về các vấn đề quốc tế trên các

tạp chí lớn của Pháp và các nước Pháp ngữ; các kỹ năng nghe hiểu các đoạn tin tức thời sự và bình luận về chủ đề quan hệ quốc tế trên các kênh phát thanh, truyền hình tiếng Pháp; các kỹ năng trình bày về các vấn đề quốc tế, bày tỏ quan điểm và xây dựng lập luận để bảo vệ quan điểm của mình. Học phần này cũng luyện tập thêm cho sinh viên các kỹ năng biên dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt sau khi đã hiểu kỹ văn bản tiếng Pháp và trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản về Biên dịch Việt - Pháp, đặc biệt là kỹ năng phân tích và xử lý văn bản gốc sao cho dễ chuyển dịch sang tiếng Pháp, từ đó nâng cao trình độ viết bằng tiếng Pháp của sinh viên. Việc triển khai giảng dạy được thực hiện theo 3 nhóm kỹ năng: Đọc hiểu và dịch xuôi, Nghe hiểu và diễn đạt nói, Dịch ngược và viết.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được: i) các thuật ngữ chuyên ngành về các vấn đề quốc tế mang tính kinh tế xã hội như *dân số, phát triển, toàn cầu hóa, đầu tư nước ngoài, môi trường và biến đổi khí hậu, năng lượng, nông nghiệp và đa dạng sinh học, đấu tranh chống ma túy, bệnh dịch, ...* và các cấu trúc ngữ pháp cần thiết cho việc đọc hiểu, viết và trình bày các vấn đề này; ii) các kiến thức bằng tiếng Pháp liên quan đến các vấn đề trên. Sinh viên chủ động tìm hiểu các kiến thức về thời sự quốc tế, quan hệ quốc tế và các tình huống nghề nghiệp tương lai, có óc quan sát, ham học hỏi để trau dồi cách ứng xử trong các tình huống nghề nghiệp tương lai.

40.3. Tiếng Trung

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung chuyên ngành Ngoại giao III

Học phần tiếp tục giúp sinh viên luyện tập và phát triển các kỹ năng dịch, luyện nghe tin tức thời sự, thảo luận, trình bày. Chủ đề của đoạn văn, bài văn, đoạn tin tức là các chủ đề nóng, đa lĩnh vực. Học phần này luyện tập và phát triển các kỹ năng như: nghe hiểu tin tức, tóm tắt, lấy ý chính và xác định nội dung bản tin ở tốc độ nhanh, dịch viết các bản tin với tốc độ nhanh, trình độ cao... Sinh viên có thể ghi chép tương đối đầy đủ nội dung chính trong khi nghe, có thể hiểu các vấn đề chuyên ngành toàn diện hơn.

Học phần luyện tập và phát triển các kỹ năng như: trao đổi bằng tiếng Trung về các vấn đề chuyên ngành, giao tiếp về các vấn đề trong cuộc sống tự nhiên thoải mái, viết các bài phân tích chuyên ngành.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kĩ năng nghe hiểu, đọc hiểu và dịch các bản tin chính trị, xã hội, kinh tế, giáo dục, sức khỏe, khoa học kỹ thuật, văn hóa, luật pháp, quân sự... bằng tiếng Trung ở mức độ cao, có khả năng sử dụng các từ ngữ chuyên ngành để trình bày viết, dịch về các vấn đề này. Ngoài ra sinh viên *có thể* có khả năng nghe hiểu tin tức thời sự chính thống bằng tiếng phổ thông (giọng chuẩn hoặc không chuẩn), biết tóm tắt, dịch viết nhanh, nghe hiểu tốt. Sinh viên cũng được trang bị kỹ năng phản xạ tức thì để chuẩn bị cho học phần dịch nói ở học phần tiếp theo.

41. Ngoại ngữ chuyên ngành ngoại giao V

41.1 Tiếng Anh

Số tín chỉ: **04**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao IV**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận nâng cao khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự và bình luận theo những chủ đề thuộc chuyên ngành ngoại giao từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình quốc tế. Học phần tập trung vào việc phân tích các bình luận về chủ đề ngoại giao từ các tờ báo có tên tuổi trên thế giới như The Guardian Weekly, The Economist, The Diplomat, the New York Times,... Đối với kỹ năng đọc hiểu, người học sẽ vận dụng được toàn bộ các kỹ năng đã được học ở các học phần trước để có thể hiểu sâu nội dung của bài bình luận, đồng thời người học cũng sẽ được trang bị các kỹ năng và kiến thức để vận dụng vào viết một bài tóm tắt hoàn chỉnh về nội dung bài đọc, bình luận. Với kỹ năng nghe hiểu, học phần tiếp tục tập trung vào nghe các đoạn tin, bài bình luận có tốc độ nhanh trên các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới như VOA và BBC.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức sâu hơn về

các vấn đề thuộc chuyên ngành ngoại giao; sinh viên có thể tái tạo lại bản tin bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Sinh viên sẽ có khả năng trình bày quan điểm của mình về vấn đề tác giả nêu trong bài bình luận: đồng tình hoặc không đồng tình với quan điểm của tác giả.

41.2. Tiếng Pháp

Số tín chỉ: **04**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp chuyên ngành Ngoại giao IV

Học phần này tiếp tục giúp sinh viên củng cố và phát triển các kỹ năng đọc hiểu các bài báo phân tích, bình luận trên các tạp chí lớn của Pháp và các nước Pháp ngữ, nghe hiểu các bản tin và bình luận trên các kênh phát thanh, truyền hình tiếng Pháp; trình bày các vấn đề thời sự quốc tế, bày tỏ quan điểm và lập luận để tham gia tranh luận, bảo vệ quan điểm của mình và thuyết phục đối phương. Học phần này được giảng dạy theo ba nhóm kỹ năng: đọc hiểu và dịch xuôi, nghe hiểu và diễn đạt nói, dịch ngược và viết và một số giờ học kiến thức về Pháp ngữ.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được: i) các thuật ngữ chuyên ngành QHQT và các cấu trúc ngữ pháp cần thiết cho việc đọc hiểu, viết và trình bày các vấn đề quốc tế; ii) các kiến thức bằng tiếng Pháp liên quan đến các vấn đề quốc tế mang tính chính trị, đối ngoại như: các nước lớn và quan hệ của các nước lớn, dịch bệnh, nghèo đói, môi trường (biến đổi khí hậu, năng lượng, tài nguyên nước), an ninh chính trị toàn cầu (khủng bố, hạt nhân, khủng hoảng nhập cư), các tổ chức quốc tế (Liên hiệp quốc, Tòa án quốc tế La Haye, OPEC), hợp tác khu vực (ASEAN, EU), tự do thương mại (WTO), các hiệp định tự do thương mại song và đa phương, ... và các vấn đề đối ngoại của Việt Nam; iii) các kiến thức cơ bản liên quan đến Pháp ngữ. Sinh viên chủ động tìm hiểu các kiến thức về thời sự quốc tế, quan hệ quốc tế và các tình huống nghề nghiệp tương lai, có óc quan sát, ham học hỏi để trau dồi cách ứng xử trong các tình huống nghề nghiệp tương lai.

41.3. Tiếng Trung

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Trung chuyên ngành Ngoại giao IV**

Học phần rèn luyện kỹ năng: dịch viết, dịch nói. Sinh viên được giới thiệu các kỹ năng về biên dịch và phiên dịch đối ngoại, luyện kỹ năng ghi nhớ, ghi chép để tăng phản xạ dịch cũng như tốc độ dịch. Nội dung dịch là các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn báo chí của các nhà lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc, quan điểm của các nhà lãnh đạo trên thế giới về các sự kiện nóng hay các vấn đề toàn cầu tại thời điểm đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ viết và dịch được các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn báo chí của lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc; có thể nghe hiểu tin tức thời sự chính thống bằng tiếng phổ thông (giọng chuẩn hoặc không chuẩn); có kỹ năng ghi nhớ và ghi chép lại ngôn ngữ gốc để chuyển tải thành ngôn ngữ đích. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện khả năng phản biện, tăng phản xạ và tốc độ dịch thông qua độ khó của bài dịch.

42. Kỹ thuật soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung, đặc biệt là văn bản hành chính và ngoại giao với các kỹ năng soạn thảo hai loại văn bản này; các nguyên tắc và phương pháp cơ bản trong quá trình soạn thảo văn bản để áp dụng vào thực tiễn công việc.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về các dạng văn bản quy phạm pháp luật, hành chính và ngoại giao trong thực tiễn hiện nay, kiến thức chuyên sâu về bối cảnh, văn phong và thể thức, kỹ thuật trình bày những văn bản hành chính và ngoại giao thông dụng theo quy định mới nhất của Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao Việt Nam ban hành, đủ kiến thức để hiểu và sử dụng đúng các loại văn bản. Sinh viên có thể phân biệt được đặc thù của các loại văn bản (quy phạm pháp luật, hành chính và ngoại

giao); có khả năng soạn thảo được các văn bản hành chính thông dụng và một số văn bản ngoại giao cơ bản như công hàm và điện, thư thăm hỏi và chia buồn... Sinh viên có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và trau dồi các kỹ năng liên quan tới việc soạn thảo và trình bày các loại văn bản hành chính và ngoại giao theo đúng yêu cầu quy định về thể loại, thể thức và truyền đạt được thông điệp cần thiết; có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về nội dung và thể thức của các văn bản cụ thể.

43. Công tác ngoại giao

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử ngoại giao Việt Nam, Lịch sử quan hệ quốc tế và Chính sách đối ngoại Việt Nam

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản và hệ thống về công tác ngoại giao. Cụ thể, sinh viên được giới thiệu về những nghiệp vụ cơ bản của công tác ngoại giao như các cơ quan quan hệ đối ngoại ở trong nước và nước ngoài; công văn ngoại giao; ngoại giao kinh tế; ngoại giao văn hóa; công tác báo chí và thông tin đối ngoại; công tác lãnh sự; công tác lễ tân ngoại giao; phép lịch sự xã giao và tư tưởng, phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh và được luyện tập các kỹ năng này.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về công tác ngoại giao; về các nghiệp vụ ngoại giao để có thể bắt đầu nghề ngoại giao; có kỹ năng nhất định trong việc tổ chức các sự kiện ngoại giao liên quan đến công tác lễ tân ngoại giao, họp báo, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hay nghiên cứu một vấn đề liên quan đến nghiệp vụ ngoại giao; có khả năng tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới nghiệp vụ ngoại giao, đưa ra những ý kiến tham mưu về các vấn đề nghiệp vụ ngoại giao như lễ tân, báo chí, lãnh sự, có năng lực lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các sự kiện ngoại giao.

44. Đàm phán quốc tế

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử quan hệ quốc tế

Học phần nhằm giúp người học nắm bắt được bản chất của đàm phán, các khái niệm cơ bản, mô hình và cách thức vận hành của các cuộc đàm phán, song phương cũng như đa phương; các nhân tố chi phối các cuộc đàm phán quốc tế, ảnh hưởng của văn hóa đối với các cuộc đàm phán giữa các quốc gia. Học phần giúp người học nắm được và áp dụng các phương pháp xây dựng chiến lược đàm phán, kỹ thuật tổ chức một cuộc đàm phán, các chiến thuật, thủ thuật khi đàm phán, thuyết phục đối phương và các cách thức khai thác tâm lý để đạt được mục tiêu đàm phán.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể phân tích được các cuộc đàm phán quốc tế trong lịch sử nhằm xác định các nguyên nhân thành công và thất bại để rút ra bài học; đánh giá được tình trạng của các cuộc đàm phán đang diễn ra, xác định được những vấn đề cần tháo gỡ cho các cuộc đàm phán đang bị bế tắc; biết thu thập, phân loại, tổng hợp thông tin để chuẩn bị cho một cuộc đàm phán; thiết kế được đề án đàm phán và đề xuất được chiến lược hợp lý để đạt được mục tiêu đàm phán. Sinh viên biết vận dụng được các kỹ năng tổ chức đàm phán, bao gồm việc xác định và sắp xếp các công việc cần thiết theo trình tự khoa học để đạt hiệu quả đàm phán; vận dụng được các loại chiến thuật trong đàm phán, nhất là các thủ thuật nhằm thuyết phục đối phương và những cách thức đối phó với các trạng thái tâm lý khác nhau của đối phương.

45. Phân tích sự kiện quốc tế

Số tín chỉ : 02

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên sâu bắt buộc.

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất của các sự kiện trong đời sống quốc tế đương đại: nguồn gốc, nguyên nhân, đặc điểm. Thông qua hệ thống bài tập thực hành (viết hoặc làm bằng hình), học phần giúp sinh viên hình thành những kỹ năng phân tích sự kiện cơ bản. Đồng thời, học phần giúp sinh viên nắm bắt và phát hiện những vấn đề nghiên cứu chuẩn bị

cho viết khoá luận tốt nghiệp.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể nắm vững những kiến thức cơ bản về bản chất của các sự kiện trong đời sống quốc tế đương đại, có kiến thức toàn diện về: nguồn gốc, nguyên nhân, đặc điểm của các sự kiện quốc tế, giúp sinh viên phát hiện những vấn đề nghiên cứu, có thể phân tích và đánh giá một vấn đề quốc tế cụ thể; có kỹ năng chọn lọc thông tin và xử lý dữ liệu liên quan đến một vấn đề quốc tế, bước đầu có kỹ năng dự đoán về một vấn đề, sự kiện trong hệ thống quốc tế, nâng cao kỹ năng thuyết trình. Sinh viên có độ nhạy bén, khách quan về một vấn đề quốc tế, có ý thức trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp, có tình thần chủ động, độc lập trong nghiên cứu và tác chiến.

46. Quan hệ kinh tế quốc tế

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần Quan hệ kinh tế quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản và cụ thể về: các khái niệm kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế; thương mại quốc tế; đầu tư trực tiếp nước ngoài; vấn đề viện trợ và nợ nước ngoài; vấn đề hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường; di chuyển sức lao động quốc tế; thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán quốc tế; hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, học phần còn nghiên cứu về các quá trình kinh tế diễn ra trong mối quan hệ giữa các quốc gia với nhau và giữa các quốc gia với các tổ chức kinh tế quốc tế. Các mối quan hệ đó mang tính khách quan và ngày càng phát triển, mở rộng trên quy mô toàn cầu.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể phân tích và đánh giá đúng bản chất tính tất yếu khách quan của các quan hệ kinh tế quốc tế; các nội dung, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của học phần quan hệ kinh tế quốc tế; đồng thời biết vận dụng các phương pháp nghiên cứu trong quá trình học tập. Học phần cũng giúp sinh viên áp dụng trong thực tế các phương pháp định tính và định lượng để phân tích các sự kiện về kinh tế quốc tế; rèn luyện khả năng năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cùng các kỹ năng giao

tiếp trong môi trường hội nhập quốc tế.

47. Công pháp quốc tế

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam hoặc Pháp luật đại cương

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về khung pháp lý quốc tế và kiến thức cơ bản về một số lĩnh vực pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, thẩm quyền quốc gia, miễn trừ quốc gia, trách nhiệm quốc gia, luật biển quốc tế, luật quốc tế về biên giới lãnh thổ, luật tổ chức quốc tế, luật nhân quyền quốc tế, dân cư, quốc tịch, và giải quyết tranh chấp quốc tế.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các đặc điểm chính, chủ thể và nguồn của công pháp quốc tế, cũng như một số lĩnh vực pháp luật quốc tế quan trọng.

48. Truyền thông quốc tế

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về truyền thông quốc tế cũng như các lý thuyết căn bản liên quan đến truyền thông quốc tế, các hoạt động truyền thông quốc tế trên thế giới và tình hình phát triển của truyền thông quốc tế tại Việt Nam. Theo đó, kiến thức được giảng dạy gồm các nội dung chính: khái quát về truyền thông quốc tế (bao gồm các khái niệm cơ bản, lịch sử phát triển, các đặc điểm, vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế); lý thuyết tiếp cận truyền thông quốc tế; giới thiệu truyền thông một số quốc gia, các tập đoàn truyền thông quốc tế tiêu biểu trên thế giới; và phần sau cùng là các vấn đề căn bản của truyền thông quốc tế tại Việt Nam.

Sau môn học, sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về truyền thông nói chung và truyền thông quốc tế nói riêng; phân tích được các đặc điểm của truyền thông quốc tế; hiểu và so sánh được lịch sử truyền thông quốc tế; đánh giá đầy

đủ về vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế. Sinh viên cũng có thể áp dụng các lý thuyết trong phân tích các hoạt động truyền thông quốc tế và toàn cầu, giúp tạo dựng kỹ năng phân tích và phản biện về chính sách và hoạt động truyền thông quốc tế; từ đó, sinh viên có thể tự phân loại các hoạt động truyền thông, tự thiết kế cách nghiên cứu chuyên đề về truyền thông quốc tế. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ tự rút ra bài học để hình thành thái độ tích cực, tiếp thu có chọn lọc trên cơ sở phân tích các dòng thông tin trên truyền thông quốc tế. Qua đó trau dồi bản lĩnh chính trị vững vàng, kỹ năng phân tích tin tức truyền thông để áp dụng trong công việc sau này.

49. Ngoại giao văn hóa

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đã hoàn thành các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương**

Học phần Ngoại giao Văn hóa cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về: các nội dung cơ bản của ngoại giao văn hóa; cơ sở thực tiễn của ngoại giao văn hóa; cơ sở lý luận của ngoại giao văn hóa; các công cụ của ngoại giao văn hóa (chủ yếu là công cụ truyền thông đại chúng và công cụ văn hóa đại chúng); và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về ngoại giao văn hóa.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu rõ khái niệm ngoại giao văn hóa; phân biệt ngoại giao văn hóa với ngoại giao công chúng; nhận biết về sự cần thiết và lợi ích của việc sử dụng văn hóa như sức mạnh mềm; hiểu được lịch sử của ngoại giao văn hóa; phân tích, so sánh, đối chiếu các học thuyết về ngoại giao văn hóa; áp dụng cơ chế chuyển hóa thông tin và cơ chế chuyển hóa văn hóa thành sức mạnh vào thực tiễn; hiểu được quan điểm, mục tiêu, chủ thể, công cụ của ngoại giao văn hóa Việt Nam; áp dụng kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, tác nghiệp ngoại giao, kỹ năng quảng bá và tuyên truyền văn hóa đối ngoại, kỹ năng sử dụng văn hóa cho mục tiêu ngoại giao vào thực tiễn và hình thành ý thức tự hào về ngoại giao văn hóa Việt Nam, lòng trung thành với lợi ích quốc gia, dân tộc trong lĩnh vực văn hóa đối ngoại.

50. Kinh tế đối ngoại Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần Kinh tế đối ngoại Việt Nam trang bị cho sinh viên những kiến thức về những vấn đề chung về kinh tế đối ngoại như: cơ sở phát triển kinh tế đối ngoại, quá trình đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại, quan điểm cơ bản phát triển kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta và thành tựu về phát triển kinh tế đối ngoại; một số vấn đề trong phát triển kinh tế đối ngoại nước ta hiện nay; các lĩnh vực chủ yếu của kinh tế đối ngoại: ngoại thương, đầu tư nước ngoài, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), du lịch quốc tế, xuất khẩu lao động và chuyên gia; vấn đề nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập; sự tham gia của Việt Nam trong một số tổ chức kinh tế quốc tế; quan điểm và chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị kỹ lưỡng những phương pháp để phân tích, thuyết trình những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại, đồng thời biết vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại từ đó nâng cao kiến thức và khả năng đánh giá, đưa ra giải pháp, mô hình ý tưởng mới đối với chính sách kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước từ góc độ hội nhập. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện khả năng năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cùng các kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh đa văn hóa.

51. Luật hiến pháp Việt Nam và các nước

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về luật hiến pháp của các hình thức nhà nước cơ bản trên thế giới như Cộng hòa đại nghị, Cộng hòa Tổng thống, Cộng hòa lưỡng tính, Quân chủ lập hiến, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa. Sinh viên sẽ được tìm hiểu cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước và hoạt động của các quốc gia như: Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Mỹ và Hiến

pháp Việt Nam. Từ đó, sinh viên có khả năng tổng hợp và so sánh với các quy định của Luật Hiến pháp Việt Nam.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có hiểu biết tổng quan về hiến pháp và luật hiến pháp, phân loại hiến pháp và giám sát, thi hành, bảo vệ hiến pháp; cơ cấu lãnh thổ và chế độ chính trị; hình thức chính thể; vai trò của Đảng phái và chế độ bầu cử; nguyên thủ quốc gia, cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; cũng như hiểu được lịch sử lập hiến Việt Nam; các chế định quan trọng của hiến pháp Việt Nam

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2020

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



TS. Phạm Lan Dung

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Tuấn Việt